

10 năm sau khi Saigon thất thủ, trong cuốn “No More Vietnams” xuất bản năm 1985, Tổng
Thống Richard Nixon tuyên bố:

*Trong cuộc chiến này Hoa Kỳ đã thất bại và phản bội đồng minh (failure and betrayal).
Chúng ta đã thắng trong chiến tranh, nhưng đã thua trong hòa bình (We won the war in
Vietnam, but we lost the peace)”.*

“



Đây là lời nói khôn ngoan hay không phải nhân loại sẽ thấy.

Đúng lý Nixon phải nói: Chúng ta thắng về quân sự, nhưng lại tháo chạy và đưa hàng triệu
Chúng ta thua về chính trị, và đã gieo tai họa vô tận cho các quốc gia đồng minh Đông
Đông Nam Á-Việt-Miên-Lào, cũng như một số các quốc gia Á Phi và Nam Mỹ như A-Phú-Hãn, Iran,
Angola, Mozambique, Ethiopia, South Yemen, Nicaragua v...v.... Do đó Hiệp Định Hòa Bình
Paris 1973 chỉ đem lại hòa bình cho nhân loại (peace of the grave).

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân miền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Ngày nay mọi người thấy rõ: Kín trúc sự của thim cnh này không phải là ai khác mà là Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh của Nixon.

Do nhng quyin li riêng t cũng nh do nhng cuc mt đàm, mt t t c và hiu ngm vi Lê Đức Thọ, Kissinger đã đy t i vi c ký kết Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 vi b t c giá nào. Đ i vi ông, Chi n Tr ng Đông Nam Á đã thu đ n xong vi i s ti p tay của B c Kinh. T đây đ i t ng của ông là Chi n Tr ng Trung Đông đang c n ti p vi n quân s và kinh t . Sau 1975, gi i am hiu cho bi t ngân kho n vi n tr hàng năm cho Do Thái (vi i 4 tri u dân) kho ng 2 t M kim ngang vi i s ngân kho n vi n tr cho Vi t Nam tr c 1973.

Cho t i tháng 1-1973, khi b i th hi p t c, b ng xuyên t c, đe dọa và h nh c Vi t Nam C ng Hòa, Kissinger đã thúc đy Nixon bu c Mi n Nam ph i ký Hiệp Định Paris. Cho Hoa K có lý do rút quân đ đòi phóng thích tù binh sau khi đ u hàng trong danh d . Còn vi c quân đ i B c Vi t có tri t thoái kh i Mi n Nam hay không ch là v n đ ph thu c. V vi c này, mt mt Kissinger tin vào nhng mt t t c và cam kết ngm c của Thọ. Mt khác còn có li cam kết của Nixon theo đó Hoa K s tr đũa mnh li t, n u B c Vi t vi ph m nghiêm tr ng Hiệp Định, và s s đ ng h a l c m nh nh t nh trong chi n d ch Mùa Hè Đ L a 1972 t i Mi n Nam, và nhng v oanh t c B c Vi t b ng B52 trong cuc T p Kích Chi n L c 12 ngày đêm t i Hà N i, H i Phòng và vùng ph c n Mùa Giáng Sinh 1972.

S vi c đã không di n ra nh v y. Ba tháng sau Hiệp Định Paris v Watergate bùng n . Sau đó Qu c H i Hoa K ban hành Lu t ngày 30-6-1973 c m các l c l ng quân s Hoa K không đ c y m tr nhng cuc chi n đ u vũ trang t i Vi t-Miền-Lào. Và tháng 10-1973 Lu t v Quy n L c Chi n Tranh (War Powers Act) đã trói tay v T ng T L nh Quân L c Hoa K và bu c T ng Th ng ph i tham v n Qu c H i tr c khi s đ ng quân đ i vào nhng v tranh ch p vũ trang. Đi u ki n h n ch này ch a bao gi l p pháp đ t ra trong th i chi n. Do đó, vì không có toàn quy n hành đ ng và không có ngân kho n, v T ng T L nh Quân Đ i không th ph n công k p th i các b đ i B c Vi t xâm nh p quy mô vào Mi n Nam, và cũng không th tr đũa b ng cách tái oanh t c B c Vi t nh trong mùa Giáng Sinh 1972. Nh v y, 10 tháng sau Hiệp Định Paris, t tháng 11-1973 quân xâm lăng B c Vi t đ c t do xâm nh p Mi n Nam vi i s tr giúp vũ khí đy đ của phe Qu c T C ng S n Trung Sô (1.7 t M kim năm 1974, g p đôi th i ti n Hiệp Định Paris.

Và t sau v ti n chi m Ph c Long tháng 1-1975, Liên Sô đã tăng 4 l n vi n tr cho B c Vi t). Và nhng li cam kết của Chu Ân Lai và Brezhnev h a h n s ki m ch Hà N i, ch là câu đ i bôi, hay đúng h n mt chi n thu t đ đ i g t Hoa K .

Thêm một sự kiện đáng lưu ý: Một năm sau Hiệp Định Paris, vào ngày 11-1-1974, khi Kissinger vừa rời Bắc Kinh, đột nhiên một lần nữa, Trung Quốc công bố chính quyền tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

. Và một tuần sau, ngày 19-1-1974, họ đem quân xâm chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc nhóm Lưỡi Liềm phía tây nam. Với một Quốc Tế Công Pháp, Hiệp Định Geneva 1954 đã xác nhận chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo Điều 4 Hiệp Định, giới tuyến giữa hai miền Nam Bắc kéo dài từ Bắc đến “ra ngoài hải phận theo một đường thẳng góc với đường ven biển”. Quân đội Bắc Việt phải rút khỏi tất cả các hải đảo thuộc phía Nam giới tuyến” (Vũ Tuyền 17).

Quần đảo Hoàng Sa tọa lạc tại các Vĩ Tuyến 17-15 Bắc (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi), và quần đảo Trường Sa ở phía Nam tọa lạc tại các Vĩ Tuyến 12-7 Bắc (tỉnh Cam Ranh xuống Cà Mau). Do đó cả hai quần đảo này đã được Hiệp ước Quốc Tế nhìn nhận thuộc hải phận của Việt Nam Cộng Hòa mà các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Bắc Việt và Trung Quốc có nghĩa vụ phải tôn trọng.

Chiều Hiệp Định Paris 1973, Hoa Kỳ là quốc gia chủ xướng, đã triệu tập Hội Nghị, đã ký Hiệp Định, và đã cùng 10 quốc gia khác, kể cả Trung Quốc, đứng ra bảo lãnh sự thi hành nghiêm chỉnh hiệp định này. Như vậy Hoa Kỳ có nghĩa vụ tiên khởi phải bảo vệ quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam chống mọi xâm lăng vũ trang bất cứ từ đâu tới. Vậy mà, ngày 19-1-1974, dù có một phần vùng Biển Hoàng Sa, Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ đã án binh bất động, không yểm trợ, không can thiệp, không đi cứu giúp, và cũng không làm hành vi nhân đạo nào để cứu vớt các chiến sĩ Hải Quân Việt Nam mất nạn trên Hạm Tảng Hạm Nhặt Tảo, do Trung Tá Nguyễn Văn Thà chủ huy, đã bị biển chìm. Có lẽ Hải Quân Hoa Kỳ nghĩ rằng họ không có trách nhiệm phải cứu vớt những người sắp chết đuối, kể cả vì lý do nhân đạo. Vì mãi tới tháng 11-1974 Liên Hiệp Quốc mới ban hành Công ước về việc Cứu Vớt các Nhân Nhân bị Đắm Tầu Trên Mặt Biển. Hơn nữa, từ tháng 6-1973, Quốc Hội Hoa Kỳ đã ban hành đạo luật cấm quân lực Hoa Kỳ không được tham gia hay yểm trợ bất cứ cuộc chiến đấu quân sự nào trên bộ, trên không và trên biển tại bán đảo Đông Dương. Trong thời gian này, từ tháng 4-1973, báo chí phản chiến và phe đối lập đã tập trung khai thác và nghe lén Watergate, dẫn đến việc Nixon từ chức vào tháng 8-1974.

Năm 1974, theo 3 ngày tiến quân, từ vùng Phi Quân Sơn phía Bắc, Ai Lao và Cao Miên phía Tây, Bắc Việt kéo đến quân xâm nhập Miền Nam. Và tháng 1-1975 đã tiến chiếm nguyên một tỉnh của Việt Nam Cộng Hòa là Phước Long. Cuộc tiến chiếm này nhằm trực tiếp nhằm phá vỡ công của Hoa Kỳ. Lúc này, Tổng Thống chính quyền Gerald Ford, chính ai còn nhớ những lời cam kết long trọng của Tổng Thống dân cử Nixon trong hơn 30 văn thư gửi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Trong những văn thư này, với Tổng Thống Lính Quân Lực Hoa Kỳ hứa sẽ tái oanh tạc Bắc Việt, đứng thẳng phía công thức thời các lực lượng vũ trang Bắc Việt xâm nhập Miền Nam, bằng những vũ khí mạnh nhất như Không Đoàn B52.

Sau vài Phút ở Long, trong một phiên họp của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản, Lê Duẩn đã giơ hai tay reo lên: “Nó bắt rồi!”

Và 3 tháng sau, các chiến xa Liên Xô vượt qua hàng rào Dinh Độc Lập báo hiệu sự cáo chung của Việt Nam Cộng Hòa. Lúc này, bất chấp Hiệp Định Paris, Bộ Chỉ huy đã kéo thêm 25 sư đoàn chính quy vào chiến trường Miền Nam để yểm trợ sự hơn 100 ngàn quân đã xâm nhập tới Chiếm Địch Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Tuy đó Hiệp Định Hòa Bình Paris chỉ còn là tờ giấy lộn. Và những diều hâu khôn ngoan hành sự quyên dân tộc quyên đất nước hòa bình chỉ là những bánh vẽ do phe chiến chiến Lê Độc Thôn ban phát cho kẻ chiến bại Kissinger. Chiến tranh nhân nhäu 15

Hiệp Định Hòa Bình Paris: “Việt Nam thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện trong bối cảnh bình đẳng pháp luật hòa bình trên cơ sở tôn trọng quyền và tự do của Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian thống nhất sẽ do hai Miền Nam, Bộ Chỉ huy Việt Nam đồng thuận (theo nguyên tắc nhất trí)”

MỘT THỜI GIAN ĐỦ DÀI ĐỂ CÓ MỘT KHOẢNG CÁCH HỢP LÝ

Cuộc “Đi Thăm Thăm Mùa Xuân 1975” khó có thể có nếu Hoa Kỳ không nhất định bại Miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc một đàm phán giữa Thủ Tướng Chu Ân Lai và Henry Kissinger tại Đại Hội Nhân Dân Bộ Kinh nhân dân Trung Quốc Richard Nixon công du Trung Quốc và gặp Mao Trạch Đông ngày 21-2-1972, Kissinger nói thống nhất với Chu Ân Lai: “Chúng tôi không quan tâm đến việc hay dở (Cộng Sản Việt Nam), và ngay cả việc đánh bại nó”.

Một đã thống nhất với Trung Quốc để Cộng Sản Việt Nam chiến Miền Nam sau khi Mỹ rút quân một thời gian. Kissinger xác nhận với Chu Ân Lai rằng Mỹ có thể chấp nhận Cộng Sản Miền Bắc chiến Miền Nam bằng vũ lực, nếu việc này xảy ra sau khi Mỹ rút quân khỏi đây một thời gian đủ dài để có một khoảng cách hợp lý (decent interval): “Nếu Bộ Chỉ huy nghiêm túc đàm phán với Miền Nam, và nếu sau một thời gian đủ dài sau khi chúng tôi đã hoàn toàn không còn dính líu gì (với Miền Nam) nữa, theo suy đoán riêng, tôi tin rằng khó có thể chúng tôi quay trở lại và khó có khả năng việc xảy ra”. Kissinger nói rõ hơn: “Nếu chúng tôi có thể chung sống với Chính Phủ Cộng Sản tại Trung Quốc, thì chúng tôi cũng có khả năng chấp nhận một chính quyền Cộng Sản ở Đông Đức”. Kissinger trả lời rằng nói thống nhất: “Hà Nội đã làm gì để nhân dân chúng tôi không thể, trong vòng 10 năm, thiết lập bang giao mới” (The White House, Memorandum of Conversation- Top secret / sensitive-Exclusive eyes only, p.p. 27-29: Cao Thọ Dung: Đảng Cộng Sản Việt Nam 2007).

7 tháng tr c, trong hai ngày 9 và 10 tháng 7-1971, trong cu c ti p ki n Chu Ân Lai, Kissinger
ti t l :

“Hoa K s tr t thoái toàn th quân l c ra kh i Vi t Nam và s không bao giờ tr l n u có
nh ng đi u kho n v ng ng b n và trao tr tù binh trong Hi p Đ nh Paris. L p tr ng c a Hoa
K là
g nh t thi t duy trì m t chính ph đ c b t nào
(nh Vi t Nam C ng Hòa) t i Mi n Nam Vi t Nam. N u có m t gi i pháp chính tr h p lý ph n
ánh nh ng t ng quan l c l ng chính tr t i Mi n Nam thì chúng tôi s tôn tr ng gi i pháp đó.
Nh ng chúng tôi cũng c n có
m t th i gian h p lý cho gi i pháp này
(decent interval solution). Hôm qua Th T ng có đ c p đ n vi c B c Vi t s n sàng hy sinh
hàng tri u ng i cho công cu c này. Tôi xin th a v i Th T ng r ng
B c Vi t không c n ph i hy sinh thêm 1 tri u ng i n a đâu...” (Jeffrey Kimball: *The Vietnam
War Files*, 2004).

M T ĐÀM VÀ M T C

Đ ch m đ t chi n tranh và tái l p hòa bình t i Vi t Nam, ngày 27-1-1973, các bên tham gia
H i Ngh Paris đã ký m t th a c m nh danh là “Hi p Đ nh Ch m Đ t Chi n Tranh và Tái
L p Hòa Bình i Vi t Nam”. Đ b o đ m s thi hành nghiêm ch nh Hi p Đ nh này, ngoài 4 bên
k t c là Hoa K , Vi t Nam C ng Hòa, Vi t Nam Dân Ch C ng Hòa và C ng Hòa Mi n Nam
Vi t Nam, còn có s tham d và b o lãnh c a t c c ng Anh, Nga, Pháp, Hoa và c a 4 n c
trong y Ban Qu c T Ki m Soát và Giám Sát là Ba Lan, Canada, Hung-Gia-L i và Nam
Đ ng. Trong b n Đ nh c c a H i Ngh Qu c T v Vi t Nam ngày 2-3-1973, ngoài các đ i
di n c a 12
“n c” nói trên,
còn có s hi n di n và ch ng minh c a ông T ng Th Ký Liên Hi p Qu c.

Đ c k Hi p Đ nh Paris 1973, chúng ta s tìm th y nh ng nguyên nhân sâu xa và ti m n đ a
t i vi c B c Vi t thôn tính Mi n Nam 2 năm sau khi Hi p Đ nh Paris v a ráo m c. Đây hi n
nhiên là m t vi ph m c c k thô b o. Lu t pháp văn minh c a loài ng i đã b thay th b ng
lu t r ng xanh.

Ngh ch lý c s th nh t là vi c Hoa K ch p nh n cho phái đoàn *M t Tr n Gi i Phóng Mi n
Nam* tham d h i ngh và
ký tên trong Hi p Đ nh b ng vai ph i v v i Vi t Nam C ng Hòa và Hoa K , d i danh nghĩa

đi di

“Chính Ph”

Cách Mạng Lâm Thời của

“N”

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Một Trận Giở Phóng Miền Nam là một tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng Sản, cũng như các Mặt Trận Việt Minh, Mặt Trận Liên Việt, Mặt Trận Tộc Qu, Đảng Dân Chủ, Đảng Xã Hội v...v... đã được Đảng Cộng Sản Đông Dương khai sinh vì lý do thời cuộc từ thập niên 1940.

Từ sau 1975, khi Đảng Cộng Sản công khai xuất hiện để lãnh đạo N của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, các tổ chức ngoại vi nói trên như Đảng Dân Chủ của Đảng Cộng Sản, Vũ Đình Hòe, Hoàng Minh Giám, Nghiêm Xuân Yêm, và Đảng Xã Hội của Nguyễn Xuân đã bị giải thể sau khi hoàn thành sứ mệnh bày tỏ

đang cho Bắc Việt

. Trận đó cùng chung số phận,

Một Trận Giở Phóng Miền Nam

của Nguyễn Hữu Thọ và

Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ

của Trần Đình Thọ cũng đã bị giải thể từ tháng 11-1975 sau khi hoàn thành sứ mệnh gây ra tình trạng Chiến Tranh Miền Nam là một cuộc

nhỏ lẻ

do chính người Miền Nam phát động, chứ không phải do Bắc Việt gây ra. Ngay cả quân lực Miền Trận Giở Phóng Miền Nam cũng đã được sát nhập và “thống nhất” với quân lực Bắc Việt từ sau 30-4-1975.

Cho đến tháng 1-1973 khi ký Hiệp định Paris, Hà Nội vẫn ngoan cố phản nhn sự tham gia của các binh sĩ Bắc Việt ở miền nam.

Cho đây chỉ là cuộc nội chiến nên không có vấn đề quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam. (North Vietnam refused to withdraw their forces from South Vietnam. They asserted that the conflict was a civil war and refused to acknowledge explicitly that they had any troops in the South. Hanoi therefore rejected our repeated demands for their withdrawal on the grounds that they were not involved in the war:

Richard Nixon, sách đã dẫn

).

Ngày nay sự thật lịch sử đã chứng minh người là i. Từ sau 1975, cũng như các cây kiêng Đảng Dân Chủ và Đảng Xã Hội tại Miền Bắc, hai cái bóng ma Mặt Trận Giở Phóng và Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ tại Miền Nam cũng đã bị khai tử và an táng trong Bãi Tha Ma của Lịch Sử với

bao oản nghĩ t gây ra do nh ng k r c voi v gi y m các b c T Ph trong Nghĩa Trang Dân T c.

Tr i Chi n Tranh Đông D ng Th Hai (1955-1975), t i tháng 12-1972, do cu c T p Kích Chi n L c Mùa Giáng Sinh, Hoa K đã th ng trong chi n tranh. Nh ng, ch m t tháng sau, t tháng 1-1973 v i Hi p Đ nh Paris, Hoa K đã thua trong hòa bình. Do nh ng đi u ki n kh c nghĩ t c a tình th , nh áp l c c a phe ph n chi n, c a dân chúng chán ghét chi n tranh, c a các c quan truy n thông m dân c tình sao chép nh ng đi u d i trá, bóp méo s th t do phe Qu c T C ng S n cung c p, và c a đ ng đ i l p đa s t i Qu c H i Hoa K .

Theo sách l c c h u c a C ng S n, *ký hi p c không ph i đ thi hành hi p c mà ch nh m đ t đ c nh ng m c tiêu chính tr giai đ o n*.

Th thu t này đã đ c áp d ng h u hi u trong Chi n Tranh Đông D ng Th Nh t (1946-1954) và Chi n Tranh Đông D ng Th Hai (1955-1975):

1) Năm 1946, C ng S n ký Hi p c S B Sainteny, *nh Pháp t ng xu t quân đ i Trung Hoa* đ th a c thanh toán các đ ng phái qu c gia theo ch nghĩa dân t c nh Qu c Dân Đ ng, Đ ng Minh H i, Đ i Vi t, Duy Dân v...v.... Sau đó l i phát đ ng Chi n Tranh Ch ng Pháp tháng 12 năm đó.

2) Năm 1954, C ng S n ký Hi p Đ nh Đình Chi n Geneva đ *t ng xu t quân đ i Pháp* và n m chính quy n t i Mi n B c. Sau đó l i tái phát đ ng Chi n Tranh Thôn Tính Mi n Nam.

3) Năm 1973, C ng S n ký Hi p Đ nh Hòa Bình Paris đ *t ng xu t quân đ i Hoa K*. Đ sau m t kho ng “th i gian h p lý”, l i tái phát đ ng chi n tranh đ thôn tính Mi n Nam, b t ch p l i cam k t ch “th c hi n th ng nh t Vi t Nam b ng ph ng pháp hòa bình, trên c s th ng ngh và th a thu n, không c ng ép, không thôn tính, th i gian th ng nh t s do hai Mi n đ ng th a thu n”.

Khi xé b Hi p Đ nh Paris 1973, C ng S n đã h nh c hai qu c gia Hoa K và Vi t Nam C ng Hòa và 8 qu c gia khác đã cùng ký Đ nh c c a H i Ngh Qu c T v Vi t Nam ngày 2-3-1973 đ b o đ m s thi hành nghiêm ch nh Hi p Đ nh. Ông T ng Th Ký Liên Hi p Qu c hi n di n và ch ng minh b n Đ nh c cũng m t m t. Vì Liên Hi p Qu c đã b C ng S n dùng

làm bung sung trong sách l c ru ng đ lu n qu c t đ t o th i c xâm chi m Mi n Nam Vi t Nam b ng v o l c. N u Hoa K có trách nhi m pháp lý và đ o lý thì Liên Hi p Qu c cũng có trách nhi m tinh th n, vì đã không góp ph n vào vi c duy trì hòa bình t i Vi t Nam và Đông Nam Á.

Và b b ng h n c là Ban T Ch c Gi i Hòa Bình Nobel đã trao gi i này cho Lê Đ c Th là k l u mạnh phát đ ng chi n tranh xâm l c và Kissinger là k trí trá đ em l i hòa bình c a nh ng n m m . H n 3 tri u ng i đã b sát h i sau 1975 t i Vi t Nam và Cam B t, và hàng ch c tri u ng i khác đã b tìm k p trong gu ng máy đ c tài phi nhân, trái v i quy n dân t c t quy t đ c quy đ nh trong Hi n Ch ng Liên Hi p Qu c, Ph Đính Tuyên Ngôn Qu c T Nhân Quy n và các Công c Qu c T Nhân Quy n do Liên Hi p Qu c ban hành.

Đ NGH 10 Đ M C A B C VI T

Ngày 8-5-1969 T ng Th ng Nixon đ a ra B n Đ Ngh 8 Đ i m c a Hoa K nh m gi i quy t Chi n Tranh Vi t Nam b ng th ng ngh . Ngày hôm sau, 9-5-1969, đ giành chính nghĩa, B c Vi t cũng đ a ra b n đ ngh trong cái g i là “K Ho ch Hòa Bình 10 Đ i m”. 4 năm sau, ngày 27- 1-1973 khi H i Ngh Paris k t thúc, toàn b k ho ch c a B c Vi t đã đ c Hoa K ch p nh n.

- Đ i m 1: Tôn tr ng nh ng quy n c b n c a nhân dân Vi t Nam, nh đ c l p, *th ng nh t*, ch quy n và s *toàn v n lãnh th* c a n c Vi t Nam, nh *Hi p Đ nh Geneva năm 1954 đã công nh n*.

-Đ i m 2: Hoa K *ph i [đ n ph ng] rút ra kh i Mi n Nam Vi t Nam* t c quân đ i, vũ khí và đ ng c chi n tranh c a Hoa K và c a các qu c gia đ ng minh mà không đòi đ i u ki n nào; Hoa K *ph i h y b t t c các căn c quân s i Mi n Nam Vi t Nam*.

- Đ i m 3: Quy n *ch i n đ u đ b o v t qu c c a nhân dân Vi t Nam là quy n t v thiêng liêng và b t kh chuy n nh ng c a m i dân t c*.

- Đi m 4: Nhân dân Mi n Nam Vi t Nam s t *g i quy t l ynh ng v n đ n i b c a h*, không có s can thi p c a ngo i bang. Nhân dân Mi n Nam Vi t Nam s t l a ch n *ch đ chính tr*

cho Mi n Nam Vi t Nam qua nh ng cu c

t ng tuy n c

t do và dân ch ;

Qu c H i L p H n

s đ c thành l p đ so n th o

H n Pháp

,
Chính Ph Liên Hi p

Mi n Nam Vi t Nam s đ c thành l p trong tinh th n hòa gi i hòa h p và đ i đoàn k t qu c gia.

- Đi m 5: Trong th i gian chuy n ti p, t khi tái l p hòa bình đ n khi t ch c t ng tuy n c ,*các bên M n Nam không đ c áp đ t ch đ chính tr* c a mình cho nhân dân Mi n Nam.

Các l c l ng chính tr đ i di n các t ng l p xã h i và các khuynh h ng chính tr M n Nam Vi t Nam ch tr ng hòa bình, đ c l p và *trung l p*, k c nh ng ng i đang s ng i ngo i qu c vì lý do chính tr , cũng đ c quy n tham d vào vi c th ng ngh đ thành l p

Chính Ph Liên Hi p Lâm Th i.

Chính ph này ph i đ c đ t trên c s bnh đ ng, dân ch và t ng kính , nh m xây đ ng m t Mi n Nam Vi t Nam hòa bình, đ c l p, dân ch và trung l p. Chính Ph Liên Hi p Lâm Th i có nh ng trách nhi m sau đây:

- Thi hành nh ng đi u kho n đã đ c th a thu n v vi *crút quân c a Hoa K* và c a các qu c gia đ ng mình ra kh i Mi n Nam Vi t Nam.

- Th c hi n *hòa gi i hòa h p dân t c* và đ i đoàn k t qu c gia gi a các t ng l p xã h i, các l c l ng chính tr và các s c t c.

- *T ch c t ng tuy n c* t do và dân ch trong toàn lãnh th Mi n Nam Vi t Nam đ th c thi quy n t quy t c a nhân dân Mi n Nam Vi t Nam chi u theo đi m 4 nói trên.

- *Th c thi nh ng quy n t do dân ch thi t y unh* t do ngôn lu n, t do báo chí, t do h i h p, t do tín ng ng, t do l p h i và l p đ ng chính tr , t do bi u tình v...v....

- *Phóng thích t c nh ng ng i đang b giam c m* vì lý do chính tr ,c m m i hành đ ng kh ng b , tr thù và k th đ i v i nh ng ng i đã c ng tác v i các bên, hi n s ng i trong n c hay i ngoài n c chi u theo Hi p Đ nh Geneva 1954.

- *Hàn g n v t th ng chi n tranh*, ph c h i và phát tri n kinh t , bnh th ng hóa đ i s ng c a nhân dân và c i thi n đ i s ng c a gi i lao đ ng.

- Đ m 6 : Mi n Nam Vi t Nam s th c hi n chính sách đ i ngo i hòa bình và *trung l p* (mi n B c không b ràng bu c b i đ i u ki n này):

- Giao h o v i *V ng Qu c Cam B* trên căn b n tôn tr ng đ c l p, ch quy n, *trung l p* và s toàn v n lãnh th và biên gi i c a qu c gia này; giao h o v i *V ng Qu c Lào* trên căn b n tôn tr ng Ngh Đệ nh Th năm 1962 [b o đ m n n *trung l p* c a Ai Lao].

- Thi t l p quan h ngo i giao, kinh t và văn hóa v i t t c các qu c gia trên th gi i k c Hoa K , không phân bi t v chính tr và xã h i, theo 5 Nguyên T c S ng Chung Hòa Bình [c a phe Phi Liên K t Á Phi t H i Ngh Bandung 1955]; cùng tôn tr ng n n đ c l p, ch quy n và s toàn v n lãnh th , không gây h n, không can thi p vào vi c n i b , bình đ ng và l ng i, s ng chung hòa bình, nh n vi n tr kinh t và k thu t c a các qu c gia mà không l thu c vào b t c đ i u ki n chính tr nào.

- Đ m 7: N n th ng nh t c a Vi t Nam s đ c th c hi n t ng b c b ng ph ng pháp hòa bình trên c s th ng th o và th a hi p gi a Mi n B c và Mi n Nam Vi t Nam không có s can thi p c a n c ngoài.

Trong khi ch đ i th ng nh t Vi t Nam trong hòa bình:

- Hai mi n s tái l p quan h ngo i giao trong m i lãnh v c trên căn b n t ng kính.

- Gi i Tuy n Quân S T m Th i gi a hai mi n t i Vĩ Tuy n 17 quy đ nh trong Hi p Đệ nh Geneva 1954, ch là t m th i, và không ph i là m t ranh gi i v chính tr hay lãnh th .

- Hai mi n s ký th a c v quy ch Vùng Phi Quân S , và cách th c di chuy n qua Gi i Tuy n Quân S T m Th i.

- **Đi m 8:** Trong khi ch đ i s th ng nh t Vi t Nam b ng ph ng pháp hòa bình, theo quy đ nh c a Hi p Đ nh Geneva 1954, hai Mi n Nam B c không tham gia b t c liên minh quân s v i b t c qu c gia nào, không cho phép n c ngoài duy trì căn c quân s , hay trú đóng quân đ i và nhân viên quân s trên đ t mình.

- **Đi m 9:** Đ gi i quy t v n đ h u chi n:

- Các bên s th ng thuy t v vi c trao tr tù binh c a các bên b b t gi trong th i chi n.

- Chính Ph Hoa K ph i ch u hoàn toàn trách nhi m v nh ng t n th t và tàn phá gây ra cho nhân dân Vi t Nam c hai mi n.

- **Đi m 10:** Các bên s đ đ n th a c v vi c giám sát qu c t trong vi c tri t thoái quân đ i, nhân viên quân s , vũ khí và v t d ng chi n tranh c a Hoa K và các qu c gia đ ng minh ra kh i Mi n Nam Vi t Nam (không nói gì đ n B c Vi t).

Đ Ngh 10 Đi m c a B c Vi t h i tháng 5-1969 t p trung vào 4 ch đ :

- **Ch Đ I:** Các Đi m 1, 3 và 7 coi Vi t Nam v n là m t n c duy nh t và th ng nh t v i lãnh th toàn v n. Ch đ này nh m xé b Hi p Đ nh Geneva tháng 7-1954 đã phân chia Vi t Nam thành hai qu c gia, Vi t Nam C ng Hòa và Vi t Nam Dân Ch C ng Hòa. (Cũng nh hai n c Nam Hàn và B c Hàn đã đ c thành l p do Hi p Đ nh Bàn Môn Đi m tháng 7-1953 t i Tri u Tiên).

- **Ch Đ II:** Các Đi m 2, 8 và 10 nói v s ng ng b n t i ch và s tri t thoái [đ n ph ng] c a quân đ i Hoa K và các đ ng minh nh Úc Đ i L i, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Lu t Tân và Đ i Hàn.

- **Ch Đ III:** Đi m 9 nói v s trao tr tù binh đ n đ n vi c Hoa K là k gây chi n ph i ch u trách nhi m b i th ng ng chi n tranh và tái thi t hai mi n Vi t Nam.

- **Ch Đ IV:** Các Đ m 4, 5 và 6 nói v nh ng v n đ và gi i pháp chính tr t i Mi n Nam nh t ch c T ng Tuy n C , so n th o Hi n Pháp m i và thành l p Chính Ph Liên Hi p 3 Thành Ph n theo chính sách trung l p nh Cao Miên và Ai Lao trong Kh i Phi Liên K t Á-Phi. Ch đ này nh m xóa b Hi n Pháp Vi t Nam C ng Hòa 1967, gi i tán Chính Ph và gi i th ch đ Vi t Nam C ng Hòa.

4 Ch Đ nói trên do B c Vi t đ a ra t tháng 5-1969 đã đ c ch p nh n toàn b trong 8 Ch ng c a Hi p Đ nh Paris tháng 1-1973.

- **Ch Đ I: V Tâm Lý Chi n: Lãnh th Vi t Nam Th ng Nh t (Các Đ m 1, 3 và 7)**

Ch đ này đòi xác nh n Vi t Nam là m t qu c gia th ng nh t, lãnh th toàn v n b t kh phân (Đ m 1)

Gi i Tuy n Quân S t i Vĩ Tuy n 17 quy đ nh trong Hi p Đ nh Geneva 1954 không có giá tr là m t ranh gi i chính tr hay biên thùy lãnh th (Đ m 7)

Nh v y b t c ng i dân Vi t Nam nào cũng có quy n đi i trong lãnh th th ng nh t c a Vi t Nam (t Nam Quan đ n Cà Mau) đ chi n đ u b o v t qu c ch ng ngo i xâm đ i b t c hình th c nào (Đ m 3)

Đây th c ra ch là m t sách l c c a B c Vi t nh m xóa b Hi p Đ nh Geneva 1954. Vì, nh đã trình bày:

“Gi i tuy n quân s t m th i gi a hai mi n Nam B c kéo dài ra ngoài h i ph n theo m t đ ng th ng góc v i đ ng ven bi n. L c i ng Liên Hi p Pháp ph i rút kh i t t c các h i đ o ven b bi n thu c phía B c gi i tuy n (V Tuy n 17). Và quân đ i B c Vi t ph i rút kh i t t c các h i đ o thu c phía Nam”. (Đ i u 4 Hi p Đ nh Geneva 1954).

L t t nhiên, n u có gi i tuy n cho mi n lãnh h i thì cũng ph i có gi i tuy n cho vùng lãnh th (V Tuy n 17). Gi i tuy n này có hi u l c trong 21 năm t i Vi t Nam (1954-1975). Nó v n còn có hi u l c trên 57 năm t i Tri u Tiên (t 1953 cho đ n nay).

V m t tâm lý chi n, H Chí Minh h ng tuyên b : “Quy n chi n đ u đ b o v t qu c c a nhân dân Vi t Nam là quy n t v chính đáng và thiêng liêng”. Vì v y B c Vi t không bao gi ch p nh n rút quân kh i Mi n Nam và đã k t án Hoa K là k gây chi n ph i ch u trách nhi m b i th ng chi n tranh và tái thi t h u chi n. Đi u này đã đ c m c nhiên ch p thu n trong Ch ng VIII Hi p Đ nh Paris theo đó “Hoa K s đóng góp vào vi c hàn g n v t th ng chi n tranh và tái thi t B c Vi t và Đông D ng sau chi n tranh” (Đi u 21)

Ch Đ I đã đ c Hi p Đ nh Paris ch p nh n trong Đi u 1 Ch ng I và Đi u 15 Ch ng V (m i ch ng ch có m t đi u).

Đi u 1: “Hoa K và các n c khác ph i tôn tr ng đ c l p, ch quy n, s th ng nh t và toàn v n lãnh th c a n c Vi t Nam nh Hi p Đ nh Geneva 1954 v Vi t Nam đã công nh n”.

Đi u 15: (a) “Trong khi ch đ i th ng nh t: Gi i Tuy n Quân S gi a hai mi n t i Vĩ Tuy n 17 không ph i là m t ranh gi i v chính tr ho c v lãnh th nh quy đ nh trong đ n 6 c a Tuyên Ngôn Sau Cùng c a H i Ngh Geneva năm 1954”.

Ch Đ I c a Đ Ngh B c Vi t nh m xóa b t cách pháp nhân c a Vi t Nam C ng Hòa, xóa b Hi p Đ nh Geneva, xóa b Gi i Tuy n Quân S là Vĩ Tuy n 17 cũng nh vùng Phi Quân S 10 cây s . Đó là ngh ch lý c s th hai.

Đ ngh này có tác đ ng không ngăn c n nh ng cu c di chuy n c a các cán binh B c Vi t xâm nh p Mi n Nam, nói là đ chi n đ u b o v t qu c, ch ng Hoa K là k xâm l c hay k can thi p.

V m t pháp lý, sau khi Hi p Đ nh Geneva đ c ký ngày 20-7-1954, qua hôm sau, 21-7-1954, H i Ngh công b b n Tuyên Ngôn Sau Cùng, khuy n cáo hai bên t ch c t ng tuy n c đ th ng nh t Vi t Nam vào tháng 7-1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không ph i là hi p c nên không có giá tr pháp lý. H n n a Tuyên Ngôn Sau Cùng ngày 21-7-1954 không mang ch ký c a b t c phái đoàn nào, k c B c Vi t và Qu c Gia Vi t Nam, nên không có giá tr pháp lý và không có hi u l c ràng bu c Vi t Nam C ng Hòa.

Theo Công Pháp Quốc T, t 1954 Việt Nam không còn là một quốc gia thống nhất vì lãnh thổ đã bị chia phân tại Việt Nam 17. Từ đó tại Việt Nam có hai quốc gia, hai chính phủ, hai quân đội và hai miền lãnh thổ. Cũng như tại Triều Tiên sau Hiệp Định Bàn Môn Điếm t 57 năm nay. Như vậy, năm 1973 nói đến một nước Việt Nam thống nhất chỉ là tuyên truyền và ngụy tạo không phải là hiện thực.

Chính Hiệp Định Geneva 1954 cũng xác nhận điều đó:

1) Điều 14 để các bên đồng ý pháp chính trị cho Việt Nam có ghi: “Trong khi chờ đợi Tổng Tuyển Cử để thống nhất nước Việt Nam, bên nào có quân đội tập hợp ở vùng nào thì sẽ phải trách nhiệm trên hành chính ở vùng đó”. Vì chúng ta có tổng tuyển cử nên chúng ta có thống nhất.

2) Điều 24: “Các lực lượng vũ trang của mỗi bên sẽ phải tôn trọng vùng phi quân sự và lãnh thổ để tất cả quy định kiểm soát của bên kia”. Vì có hai quốc gia nên có hai lãnh thổ. Và giới tuyến quân sự (Việt Nam 17) là biên giới của hai nước Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ ra Hiệp Định Geneva 1954.

3) Điều 6: “Bất cứ người nào, quân nhân hay thường dân, đều không được vượt qua giới tuyến quân sự mà không có giấy phép của Ban Liên Hợp”.

4) Điều 7: “Bất cứ người nào, quân nhân hay thường dân, đều không được vào khu phi quân sự nếu không có giấy phép của Ban Liên Hợp”.

Như vậy ngày nào Hiệp Định Geneva còn có hiệu lực thì Việt Nam không phải là một quốc gia thống nhất như bên Đệ Nhị Cộng Hòa Việt đã khẳng định trong Chín Điểm.

Một điều nữa, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tuyên bố rằng quy định chỉ định cho vùng xâm lăng để bảo vệ tập thể của nhân dân Việt Nam là quy định vô nghĩa. Đó chỉ là một quan điểm chủ quan. Với lợi ích thật rõ ràng cho biết, tại Miền Nam Việt Nam, không phải Hoa Kỳ, Bắc Việt mà chính là kẻ xâm lăng.

Do chính sách gi o ho t c a ng i C ng S n và s ngây th c a chính gi i Hoa K và dã tâm c a Kissinger mu n b r i Vi t Nam, chúng ta không ng c nhiên khi th y Hi p Đ nh Paris 1973 đã ch p nh n Ch Đ l c a B c Vi t và ch p nh n quan đi m c a B c Vi t theo đó Vi t Nam là m t qu c gia đã th ng nh t. Trên m t tr n tâm lý, Hoa K đã thua B c Vi t. Tâm lý nh h ng đ n pháp lý và th c t .

- Ch Đ II: V m t Quân S : Ng ng B n, Rút Quân, C n Quân S , Liên Minh Quân S .

(Các Đi m 2, 8 và 10 c a Đ Ngh B c Vi t)

Các Đi m 2 và 8 trong Đ Ngh B c Vi t đòi Hoa K ph i [đ n ph ng] rút quân kh i Mi n Nam Vi t Nam k c các quân đ i c a các qu c gia đ ng minh nh Úc Đ i L i, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Lu t Tân và Đ i Hàn.

Đ ng th i, hai Mi n Nam B c ph i h y b các căn c quân s và không tham gia vào các liên minh quân s v i b t c qu c gia nào.

Đi m 10 nói v vi c thành l p c quan ki m soát qu c t đ giám sát s tri t thoái c a các quân l c Hoa K và đ ng minh ra kh i Mi n Nam Vi t Nam.

Nh ng Đ Ngh này đã đ c ch p thu n trong Hi p Đ nh Paris 1973 n i Ch ng II nói v s ng ng b n t i ch hay ng ng b n da beo 24 gi sau ngày ký Hi p Đ nh.

Đi u 2: “M t cu c ng ng b n s đ c th c hi n trên kh p Mi n Nam Vi t Nam k t 24 gi ngày 27-1-1973”.

Đi u 3 nói v nguyên t c Ng ng B n T i Ch hay Ng ng B n Da Beo: “B t đ u t khi ng ng b n:

a. Các l c l ng c a Hoa K và c a các n c ngoài khác đ ng minh c a Hoa K và c a Vi t

Nam C ng Hòa s nguyên v trí c a mình trong lúc ch đ i th c hi n k ho ch rút quân.

b. Các l c l ng vũ trang c a hai bên Mi n Nam Vi t Nam s nguyên v trí c a mình.” (không ph i rút quân).

Đ i u 5: “S rút quân c a Hoa K và c a các qu c gia đ ng minh ph i đ c hoàn thành trong th i h n 60 ngày k t khi ký Hi p Đ nh”.

Đ i u 6 nói v s h y b các căn c quân s c a Hoa K t i Mi n Nam Vi t Nam.

Và Ch ng VI Hi p Đ nh Paris quy đ nh vi c thành l p Ban Liên H p Quân S (Đ i u 16), y Ban Qu c T Ki m Soát và Giám Sát (Đ i u 18), đ c bi t là H i Ngh Qu c T (c a 12 n c) v Vi t Nam: g m có b n bên k t c, t c ng Anh, Pháp, Nga, Hoa và b n qu c gia giám sát là Ba Lan, Canada, Hung Gia L i và Nam D ng. Ngoài ra còn có s hi n di n và ch ng minh c a ông T ng Th Ký Liên Hi p Qu c. (Đ i u 19). Ngày 2-3-1973, 12 “n c” đã ký b n Đ nh c c a H i Ngh Qu c T v Vi t Nam đ b o đ m s thi hành nghiêm ch nh Hi p Đ nh Hòa Bình Paris 1973.

Khách quan mà xét đây ch là nh ng t ch c hay c quan ki m soát và giám sát trang trí, h u danh vô th c. Đó là li u thu c an th n tr n an đ lu n cho Hoa K tri t thoái quân đ i kh i Mi n Nam. Lý do đ hi u là các c quan ki m soát này ch có th l p phúc trình và quy t đ nh theo nguyên t c nh t trí. Vì c n có nh t trí nên thành b t đ ng. Trong các Ban Liên H p Quân S cũng nh trong y Ban Ki m Soát và Giám Sát không bao gi đ t đ c nh t trí. Vì có hai thành ph n th ng xuyên đ i kháng nhau.

y Ban Qu c T Ki m Soát và Giám Sát g m đ i di n hai n c C ng S n Ba Lan và Hung Gia L i, m t n c trung l p (Nam D ng) và m t n c thu c phe dân ch (Canada). Không bao gi y Ban có s nh t trí, ngo i tr b n phúc trình duy nh t mang b n ch ký xác nh n Sa Hu nh thu c vùng ki m soát c a Vi t Nam C ng Hòa h i tháng 1-1973. Sau v này đ i di n Ba Lan b cách ch c. H n n a ngày 7-4-1973 quân đ i B c Vi t đã b n h hai tr c thăng c a y Ban t i Ban Mê Thu t đ a đ n s t ch c c a phái b Canada. T đó B c Vi t đ c t do hoành hành. H đã vi ph m Hi p Đ nh Paris h n 2 ngàn l n năm 1973 so v i kho ng 1 ngàn v i ph m năm 1972. Đó là sách l c V a Đánh V a Đàm áp đ ng t Chi n Tranh Tri u Tiên đ u th p niên 1950. T i Vi t Nam chính sách này đ c m nh danh là “Giành Dân L n Đ t”. Ngay c

những vị phạm tội báo nhốt của Bộ Việt nam những vị tiến chức Phạm Long thán
1-1975, Ban Mê Thuột tháng 3-1975 và Đà Nẵng tháng 4-1975 cũng không thấy Ban Kiểm
Soát và Giám Sát lập phúc trình!

Độc biết là theo Định Nghĩa Bộ Việt và Điều 3 Hiệp Định Paris, số ngừng bắn tức là hay ngừng
bắn da beo cho phép các lực lượng đi nghỉ (kể cả Bộ Việt) để giữ nguyên vị trí của
mình. Và họ vậy đã mặc nhiên cho phép quân Bộ Việt để tiếp tục ở trên lãnh thổ
Miền Nam. Đó là nghĩa lý của sự thật.

Vì không rút quân, Hiệp Định Paris chỉ nói về sự triệt thoái để phân công của các quân lực Hoa
Kỳ và đồng minh. Trong khi đó không có điều khoản nào buộc quân đi và cán bộ Bộ Việt xâm
nhập Miền Nam phải triệt thoái ra khỏi Việt Nam. Tuy nhiên 17 năm Hiệp Định Geneva 1954 đã quy định.
(Trong thời gian hòa đàm 1954, Bộ Việt đã bác bỏ đề nghị ngừng bắn tức là hay ngừng bắn
da beo tức là hai miền Nam Bộ).

Theo Hiệp Định Geneva 1954, hai bên phải tiếp kết và rút quân ra khỏi giới tuyến quân sự tạm
thời (Việt Nam 17). Quân đi Bộ Việt phải rút về phía Bắc giới tuyến, và quân đi Quốc Gia
Việt Nam và quân đi Liên Hiệp Pháp phải rút về phía Nam giới tuyến. Sự rút quân song
phương đã được tiến hành theo trình tự như sau:

1. Về phía Bộ Việt: Khu Đồng Tháp Mười trong thời hạn 100 ngày, khu Mũi Cà Mau 200 ngày
và dứt chót ở Trung Phần 300 ngày.

2. Về phía Quốc Gia Việt Nam và Liên Hiệp Pháp: 80 ngày tức là Hà Nội, 100 ngày tức là Hải Phòng
và 300 ngày tức là Hải Phòng.

Trong thời gian tiếp kết 300 ngày, gần 1 triệu đồng bào Miền Bắc đã bỏ phiêu bạt ngai ngai rời
bỏ Miền Bắc vào Nam tìm Tự Do.

Chức Đồng III: Về Mặt Nhân Đạo và Tái Thiết: Phóng Thích Tù Binh Và Bồi Thường Chiến Tranh

(Điều 9 Định Nghĩa Bộ Việt)

Chương III (Điều 8) và Chương VIII (Điều 21) Hiệp Định Paris đã cấp để việc trao trả tù binh,
bồi thường chiến tranh và tái thiết Đông Dương. Đây chỉ là số sao chép đề nghị và quan điểm
của Bộ Việt theo đó Hoa Kỳ là kẻ gây chiến nên phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những

tên thật và tàn phá gây ra cho nhân dân Việt Nam.

Và Điều 9 Điều Nghị Bức Việt nghị nói, nếu muốn đòi thủ tù binh, phải bồi thường chi phí tranh và tái thiết hậu chi phí. Hoa Kỳ đã ngừng chấp hành khi ký Hiệp Định.

**Chương IV: Về mặt Chính Trị : Những Vấn Đề và Giải Pháp
(Các Điều 4, 5, 6 của Điều Nghị Bức Việt)**

Chương này đề cập đến những giải pháp chính trị sẽ được áp dụng tại Miền Nam Việt Nam khi Hiệp Định Paris được ký kết và thi hành.

Điều 4 Bên Điều Nghị Bức Việt đòi quyền dân tộc tự quyết cho nhân dân Miền Nam (nhân dân Miền Bắc không được hưởng quyền này), được lựa chọn chế độ chính trị thông qua Tổng Tuyển Cử để soạn thảo Hiến Pháp Mới, tiến tới việc thành lập mặt Chính Phủ Liên Hiệp theo Chương Trung Lập chi u 5 Nguyên Tắc Sống Chung Hòa Bình của Hội Nghị Bandung 1955 và của phe Phi Liên Kết Á Phi.

Như vậy Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa sẽ bỏ giải thể, Hiệp Pháp Việt Nam Cộng Hòa sẽ bỏ hủy bỏ để thành lập Chính Phủ Liên Hiệp 3 thành phần ngang nhau: Cộng Sản, Trung Lập thiên cộng và Cộng Hòa. Tuy nhiên trong tình quan lực lượng, phe Cộng Hòa chỉ còn 1/3 tại Miền Nam và 1/6 tại Việt Nam. Về lý do phân quyền này không căn cứ vào những quan chính trị và xã hội. Trên thực tế Cộng Sản chỉ kiểm soát được 10% dân chúng. Phe trung lập thiên cộng chỉ là “mỹ anh phiêu lưu chính trị và tập sự chính trị vô tích sự hay phê bình vung vít” (Đời Sĩ Jean Marie Merillon). Đến đầu năm 1975 Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiểm soát trên 85% dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Do đó sẽ thành lập Chính Phủ Liên Hiệp 3 thành phần ngang nhau là bất công. Đây chỉ là mặt kế hoạch thôn tính Miền Nam bằng đường lối hòa bình.

Dù sao, đối với Bức Việt, đó vẫn là hủ sách.

Mục tiêu chủ yếu của họ là, với hơn 100 ngàn quân đổ bộ ở Miền Nam cùng với số quân xâm nhập năm 1975 cùng 250 ngàn, khi đi vào miền cho phép, họ sẽ xâm chiếm Miền Nam bằng vũ lực. Cùng hàng ngàn năm mất thu của Bắc Việt là sự vắng mặt của Tổng Thống Nixon trong vụ Watergate (từ tháng 4-1973 đến tháng 8-1974). Thêm vào đó là chính trị của Hoa Kỳ muốn triệt thoái toàn bộ quân lực ra khỏi Việt Nam để đòi phóng thích tù binh sau khi ngừng bắn. Kỳ từ tháng 6-1973 Quốc Hội không còn cấp ngân khoản cho quân lực Hoa Kỳ chiếm đóng ở Đông Dương. Và Luật về Quy định Lực Lượng Chiến Tranh tháng 10-1973 đã trói tay hành động của Hành Pháp và là cơ quan hành động.

Vì không còn lo sợ bị oanh tạc, hàng chục số đoàn chính quy Bắc Việt, với sự yểm trợ từ đa số của Liên Xô và Trung Quốc, đã công khai di chuyển từ các căn cứ tại Ai Lao, Cao Miên và Bắc Việt vào chiếm đóng Miền Nam từ tháng 11-1973, nhất là từ tháng 8-1974 khi Nixon từ chức.

Như đã trình bày, 3 nguyên lý cơ sở là:

1) Theo Hiệp Định Geneva 1954, trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai quốc gia là Việt Nam Cộng Hòa tại Miền Nam và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Miền Bắc. Vì lãnh thổ quốc gia đã bị chia cắt nên không còn thế lực nhất (Quốc Gia Việt Nam không ký Hiệp Định Geneva 1954 nên không chịu trách nhiệm về sự qua phân lãnh thổ).

2) Với một quân sự chủ yếu ghi sự triệt thoái đến phần lớn của Hoa Kỳ và Đông Minh và không lý về gì đến sự hiện diện của hàng trăm ngàn binh sĩ Bắc Việt xâm nhập Miền Nam từ 1972.

3) Hiện nay, với một chính trị và pháp lý, trong lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai nước và không thể có một nước thứ ba mang danh là Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (CHMNVN).

Kể hoạch “3 Nước Việt” đã được Trung Quốc và Bắc Việt đưa ra để giảng bày Hoa Kỳ. Chu Ân Lai đã dụ dỗ Kissinger bằng cách hứa hẹn dùng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam làm quốc gia trung lập trái với gia Bắc và Nam Việt. Bắc Kinh còn tiếp tục hứa đã ký với Giới Phóng Miền Nam một Hiệp định An Ninh Hợp Tác theo đó “mọi vi phạm chủ quyền của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sẽ được coi như vi phạm chủ quyền của Trung Quốc”.

Và sau v thành lập “Chính Ph Cách Mạng Lâm Th i” (CPCMLT) còn có v đ i tên t Xa L Đông Tr ng S n (hay Đ ng Mòn H Chí Minh) thành Qu c L 1 Kép; Qu c L 19 Pleiku-Quy Nh n thành Qu c L 2; và Qu c L 21 Ban Mê Thu t-Nha Trang thành Qu c L 3 trong m t qu c gia m i đ c Trung Qu c khai sinh và nuôi d ng. CHMNVN s đ t th đô t i Tây Nguyên. Và đ n ngày trình đ n, các phái đoàn c a 80 n c, đ n đ u là Trung Qu c, s đ b t Đông Hà xu ng Tây Nguyên b ng Xa L Đông Tr ng S n hay Qu c L 1 Kép đ th a nh n CPCMLT.

V m t qu c t công pháp, trong m t qu c gia không th có hai n c. Đ i u này đ trái v i Hi p Định Geneva 1954 quy định thành lập hai qu c gia Vi t Nam C ng Hòa (Mi n Nam) và Vi t Nam Dân Ch C ng Hòa (Mi n B c) (cũng nh hai qu c gia Nam Hàn và B c Hàn theo Hi p Định Bàn Môn Đ m 1953).

Do đó ngày nào Hi p Định Geneva còn có hi u l c (nh Hi p Định Bàn Môn Đ m) thì không th có hai n c Vi t t i Mi n Nam, v i hai chính ph , hai quân đ i, hai vùng lãnh th , hai lo i c dân, k c hai lo i công an c nh sát (nh Đ i u 6 Ngh Định Th V Ng ng B n trong Hi p Định Paris 1973 đã ám ch).

T 1969, do áp l c c a Hoa K , Vi t Nam C ng Hòa đã ph i nhìn nh n “th c th C ng Hòa Mi n Nam Vi t Nam” nh k đ i tho i chính th c. D u r ng tr c đó, cu c T ng Công Kích T ng Kh i Nghĩa T t M u Thân 1968 đã hoàn toàn th t b i v chính tr cũng nh v quân s .

C ng S n đ i g t các cán binh r ng vào Nam ch đ ti p thu và s có t ng kh i nghĩa c a nhân dân Mi n Nam. Th t ra cu c đ ng kh i chính tr không đ c ai h ng ng . Theo báo cáo c a th tr ng T nh Định T ng (m t thanh niên ch a t i 20 tu i) thì ngày T ng Kh i Nghĩa s có 50 t đ ng kh i. V y mà t i ngày đó, ch có m t t c a th tr ng mà thôi, “không th y 49 t kia đâu h t!”.

Nh n đ nh v sai bi t này, v m t chính tr H Chí Minh đúc k t: “Cu c T ng Kh i Nghĩa th t b i vì báo cáo ch quan”. (T l phóng đ i là 98%).

V m t quân s , cũng theo H Chí Minh: “Cu c T ng Công Kích th t b i vì h t ng c s du kích tan rã” do Chi n D ch Lùng và Di t D ch phát đ ng t 1965. Nhi u đ n v B c Vi t vào Nam đã b tiêu di t, có nh ng đ n v đ i 2000 ng i mà sau m t đêm ch còn có 30. (T l t n th t cũng là 98%):

*Mười Thân, hai ngàn người xuống đàng bưng,
Chợ mịt đêm, còn sông có ba mồm ỉ.
(Chợ Lan Viên)*

Như vậy khi Hiệp Định Paris khởi đi vào tháng 5-1968, theo cán cân chính trị và quân sự, đáng lý Việt Nam Cộng Hòa phải nghiêng vào phe thắng phong ngang hàng với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng không thể chấp nhận cho cái bóng ma Mất Trận Giỏi Phóng đả của sự mất vai “nòng cốt” tại Hiệp Định. Do những nhượng bộ quá đáng của Hoa Kỳ, trên thực tế Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn đi đời cho 1/3 nhân dân Việt Nam, trong thời gian chia 3 Nòng cốt Việt do Trung Quốc đưa ra để dụ dỗ Hoa Kỳ. Thời gian này báo chí Hoa Kỳ phớt lờ tình phân biệt giữa người Việt Cộng (Miền Nam) với Cộng Sản Bắc Việt.

Từ 1949 khi Quốc Gia Việt Nam được thành lập do Hiệp Định Elysée, chỉ có một chính phủ hợp pháp do Quốc Trưởng Bảo Đại ủy nhiệm. Và từ 1956 được chính thức Cộng Hòa, Miền Nam Việt Nam vẫn chỉ có một chính phủ dân cử được hầu hết các quốc gia trên thế giới thừa nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao.

Cuối tháng 12-1960, để giảm bớt cuộc “nội chiến”, Đảng Cộng Sản đã thành lập một tổ chức ngoại vi mang danh là Mất Trận Dân Tộc Giỏi Phóng Miền Nam. Và từ tháng 6-1969, tại Hiệp Định Paris, họ còn khai sinh cái gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Nòng cốt Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Như vậy, về pháp lý và chính trị, Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu hợp còn 1/4 lực lượng tại Việt Nam, ngang với CHMNVN.

Trong cuộc hòa đàm, **Chợ Đ IV của Bắc Việt và những vấn đề chính trị tại Miền Nam đã được chấp nhận toàn bộ bởi Điều 9, Điều 12 và Điều 11 Hiệp Định Paris 1973:**

- Điều 9: “Nhân dân Miền Nam Việt Nam sẽ tự quyết định về tương lai chính trị cho Miền Nam thông qua tiếng nguyện của họ do được sự giám sát của các cơ quan quốc tế”.

- Điều 12: “Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ thành lập Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc 3 thành phần ngang nhau. Trong vòng 3 tháng hai bên sẽ ký một hiệp định về các vấn đề nội bộ của Miền Nam Việt Nam. Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc sẽ chỉ có tiếng nguyện của họ do có giám sát quốc tế”.

- Điều 11: “Ngay sau khi ngừng chiến, hai bên Miền Nam sẽ đem bỏ những quy định do dân chủ của nhân dân, những do cá nhân, những do ngôn luận, những do lập hội, những do hoạt động chính trị [lập đảng], những do tín ngưỡng, những do di chuyển, những do công, tôn trọng quy định họ, và quy định do kinh doanh”. Và những y Định Công Sơn sẽ đem công khai hoạt động trái với Hiến Pháp Việt Nam Công Hòa 1967 đem công sự ra ngoài vòng pháp luật.

Với sự xóa bỏ Hiệp Định Geneva 1954, sự thả những nhà nước và chính phủ Công Hòa Miền Nam Việt Nam, với điều kiện những nhiên cho phép quân Bắc Việt đến trú tại Miền Nam, với sự rút quân đến những của Hoa Kỳ và đem mình, với sự cắt viện trợ quân sự cho Việt Nam Công Hòa sau Hiệp Định Paris, đem biết là với việc Hoa Kỳ bỏ những không tôn trọng lời cam kết của Tổng Thống Nixon trong 30 văn thư gửi Tổng Thống Thiệu hay sự trả đũa quy định bắt buộc những vũ khí mạnh nhất (những không đoàn B52) trong những hợp Bắc Việt đến công vũ trang quy mô vì phạm nghiêm trọng Hiệp Định, Nixon thú nhận rằng: “Hoa Kỳ đã phạm bệ Định Minh và đã thất bại trong việc thực thi những điều cam kết bỏ vũ Đức Lập và Tự Do của Việt Nam Công Hòa. **Đây là sự phạm bệ và thất bại không tiền khoáng hậu trong lịch sử Hoa Kỳ**”. (An unprecedented example of American betrayal and failure: Nixon, No More Vietnams).

Trong cuốn sách này, Nixon viết: “Mặc dù chúng tôi không chấp nhận tính chính thức của quân đội Bắc Việt đến trú tại Miền Nam, những cho đến tháng 10-1972, chúng tôi vẫn không thể làm lay chuyển lập trường bắt di bắt đem ch của Bắc Việt. Họ những quy định không chịu rút quân khỏi Miền Nam và chỉ những rên Chiến Tranh Việt Nam chỉ là một cuộc nội chiến của hai phe Miền Nam. Họ không đem không có cán binh Bắc Việt nào xâm nhập Miền Nam. Và những quy định bác bỏ yêu cầu của chúng tôi đòi Bắc Việt phải rút quân, lý sự rằng họ không tham gia vào cuộc nội chiến tại Miền Nam”.

Chúng ta chỉ hỏi ông Nixon: Nếu không tham chiến, sao phải ngừng hòa?.

Với sự dụ dỗ bỏ những những “cam kết ngầm” của Bắc Việt, Kissinger đã thúc đẩy Hoa Kỳ những một chấp nhận các điều kiện của Bắc Việt. Và cả Chủng Ngữ II Hiệp Định Paris đã không viết một câu nào về việc quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam như trong Hiệp Định Đình Chiểu Geneva 1954. Sau khi Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 đem công bố, một nhân viên phái đoàn Bắc Việt trả lời tuyên bố với báo chí: “Khác với thời Hiệp Định Đình Chiểu Geneva 1954, lần này, theo Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973, chúng tôi không phải rút quân khỏi Miền Nam”.

Một khác, trong Định Ngữ 8 Điều của Nixon ngày 8-5-1969 (một ngày trước khi Ho Chi Minh

của Bộ Chỉ huy), như đã được công bố trên các đài truyền hình quốc gia, lập trình không thay đổi của Hoa Kỳ là đòi có sự triệt thoái song phương của cả quân lực Hoa Kỳ và quân lực Bộ Chỉ huy (a mutual withdrawal of American and North Vietnamese forces). Sau đó, ngày 16-7-1969, Nixon còn như Sainteny chuyển văn thư cho Hội Chí Minh yêu cầu Bộ Chỉ huy chấp nhận giải pháp triệt thoái song phương để cuộc hòa đàm được tiếp diễn trên cơ sở. Trong văn thư phúc đáp nhận được ngày 25-8-1969 (8 ngày trước khi tờ giả cỗi trở nên), hội Hội lập luận bác bỏ đề nghị của Nixon và nhận lời điếu u kiện của Hoa Kỳ phải được phương rút quân khỏi Miền Nam và lật đổ Chính Phủ Nguyễn Văn Thiệu.

Tuy đó Bộ Chỉ huy không còn dám xóa định Hiệp Định Geneva 1954, chấp nhận rằng hai miền Nam, Bộ chỉ huy thu được một số của Việt Nam thống nhất. Và nghĩa vụ thiêng liêng của bất cứ con dân nào trên đất Việt là phải đi đấu tranh để đánh đuổi kẻ ngoại xâm ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. (Chúng ta cần nhận rõ rằng: Tờ Miền Nam, không phải Hoa Kỳ, Bộ Chỉ huy mới chính là kẻ xâm lăng).

Như đã trình bày, sau vụ Mậu Thân, từ tháng 5-1968, trong cuộc hòa đàm tay đôi tại Paris chỉ có hai đại diện Hoa Kỳ và Bộ Chỉ huy tham dự là Harriman và Xuân Thuý. Sự việc này cho phép Bộ Chỉ huy tuyên truyền rằng Việt Nam Cộng Hòa chỉ là chế độ của Đế Quốc Mỹ.

Sự thất bại trong chiến tranh đã chứng minh ngược lại. Kể từ tháng 4-1972, khi Bộ Chỉ huy huy động hơn 200 ngàn quân trong Chiến Dịch Tầm Công Xuân Hè hay Mùa Hè Đỏ Lửa (Easter Offensive), từ tháng 10-1972 khi Chiến Dịch tàn lụi, quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã đẩy lui 14 sư đoàn chính quy Bộ Chỉ huy, duy rằng lúc này quân lực Hoa Kỳ không còn tham chiến trên bộ nữa. Và sự thất bại của Bộ Chỉ huy đã vượt quá 100 ngàn. (In the Spring Offensive of 1972 South Vietnam's army had held off the North Vietnamese onslaught without the assistance of any American ground combat troops: Nixon, sách đã dẫn). Từ tháng 2-1968 (Tờ Mậu Thân) đến tháng 10-1972 (sau Mùa Hè Đỏ Lửa), **“Bộ Chỉ huy đã thắng sự thua trận, như người làm ra vẻ như thắng trận, trong khi Việt Nam Cộng Hòa đã thắng sự thất bại”**. (North Vietnam, which had in effect lost the war, was acting as if had won, while South Vietnam had effectively won the war: Nixon, sách đã dẫn).

Đến Mùa Giáng Sinh 1972, sau cuộc Tập Kích Chiến Lược 12 ngày đêm của Không Lực Hoa Kỳ tại Hà Nội, Hải Phòng và vùng phía bắc (từ 18-12 đến 30-12, trừ Ngày Giáng Sinh), Bộ Chỉ huy đã hoàn toàn kiệt quệ. Tại Hà Nội và các thành phố phía bắc như Hải Phòng, tin trong nước cho biết, nhà nào cũng may cờ trắng để hàng đầu sân sân nghênh đón các chiến sĩ Miền Nam ra giải phóng Miền Bắc. Lúc này Lê Duẩn và Bộ Chính Trị Cộng Sản đã có kế hoạch rút ra khu. Theo các giải mã hiện, nếu Hoa Kỳ tiếp tục dội bom thêm một vài tuần nữa, thì Bộ Chỉ huy sẽ phải nhận hàng loạt. Trong điếu kiện đó, Hiệp Định Hòa Bình chỉ cần sự ghi nhận quân đội Bộ Chỉ huy phải triệt thoái khỏi Miền Nam. (Cũng như quân Bộ Chỉ huy rút về Miền Bắc sau Hiệp Định Bàn Môn Đàm tháng 7-1953). Thậm chí trong cuộc tiếp kiến Chu Ân Lai hồi tháng 2-1972, Kissinger bác bỏ rằng Hoa Kỳ không chấp nhận đánh bại Bộ Chỉ huy. Chế độ này 3 điếu u là

ngừng chiến, rút quân và trao đổi tù binh.

Vì vậy, mặc dù Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đã đánh bại Bắc Việt từ tháng 4-1972 (Mùa Hè Đỏ Lửa) đến mùa Giáng Sinh tháng 12-1972 (Tết Kịch Chiến Lửa), chỉ 4 tuần sau, đang trên đà chiến thắng, không hiểu tại sao Kissinger lại đột ngột chuyển cú đấm cuối cùng về phía (kỳ tặc) Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 và chấp nhận toàn bộ Kế Hoạch 10 Điểm của Bắc Việt. Đây đúng là một sự đầu hàng ô nhục về chính trị và ngoại giao, nhất là khi Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đang nằm trên đà thắng lợi.

Chuyến thắng thành bại là bài tài của Kissinger. Chính Nixon cũng phải ngậm ngùi than: “Chúng ta đã thắng trong chiến tranh nhưng lại thua trong hòa bình” (Nixon, sách đã dẫn).

Thật ra, trước khi thua trong hòa bình, Mỹ đã thua trong hòa đàm.

Ngày nay mọi người ý thức rằng, trong cuộc tiếp kiến Chu Ân Lai tại Bắc Kinh tháng 2-1972, Kissinger thật sự lừa dối Hoa Kỳ không quan tâm đến việc đánh Bắc Việt. Ông còn dăm chấp nhận cho Cộng Sản thôn tính Miền Nam Việt Nam và Miền Lào bằng vũ lực sau một thời gian “hợp lý” kéo dài khi quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam. Ông chủ mưu ký một Hiệp ước Hòa Bình với Việt Nam để rút quân và xin đổi tù binh. Còn sự phớt lờ hàng chục triệu người Đông Dương đang mình mình của Hoa Kỳ, ông không lý luận đến! Sau khi ký kết Hiệp Định Paris tháng 1-1973, trước câu hỏi của Ehrlichman, Phó Tá Nội Vụ của Nixon, Kissinger tính chớ trong vòng 18 tháng Miền Nam Việt Nam sẽ biến Miền Bắc thôn tính. (John Ehrlichman: Witness to Power, the Nixon years). Chớ ông chủ mưu mạo hiểm vì mãi 27 tháng sau Saigon mới thất thủ.

Tháng 4-1975 sau khi một Đà Nẵng, Tổng thống Weyand Tham Mưu Trưởng Bộ Quốc Vụ Hoa Kỳ lập phúc trình để nghị Tổng thống Ford yêu cầu Quốc Hội viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam Cộng Hòa 700 triệu Mỹ kim để kịp thời trả đũa quân Bắc Việt xâm lăng vì phạm nghiêm trọng Hiệp Định Paris. Với sự ngân khoản này Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa có thể phản công và oanh tạc từng sư đoàn chính quy Bắc Việt xâm nhập Miền Nam bằng hợp pháp từ các trận chiến Pháo Long tháng 1, Ban Mê Thuột tháng 3, và Đà Nẵng tháng 4-1975. Trước kia, cho đến Chiến Dịch Mùa Hè Đỏ Lửa tháng 4-1972, quân đội Bắc Việt không dám tập trung đến cấp trung đoàn vì sợ làm mồi cho các phi đội B52. Ngay cả sau khi chiếm quân Kỳến Đức tháng 11-1973, 3 sư đoàn Bắc Việt tại miền 3 Biên Giới là các Công Trường 5-7-9 đã đột nhiên rút về Miền Lào không để lại chiến mìn như Quân Đức. Lúc này Hoa Kỳ mưu nhúng tay Quân Đức cho Giải Phóng Miền Nam lập thể đồ trong “Kế Hoạch 3 Nòng Việt”, dùng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam làm quốc gia trái độn trung lập giữa Bắc Việt và Nam Việt.

Tuy nhiên C ng S n đã không ti n chi m Qu ng Đ c. Vì hai lý do:

1. Hà N i không cho phép M t Tr n Gi i Phóng l p th đ “quá sâu trong lòng đ ch”, “th đ” Đông Hà t i Vĩ Tuy n 17 d ki m soát h n.
2. Rút kinh nghi m Tri u Tiên, Hà N i s m c m u Hoa K nh trong nh ng phi v ph n kích các s đoàn B c Hàn và Trung Qu c xâm nh p Nam Hàn.

V i s ban hành Lu t v Quy n L c Chi n Tranh c a Qu c H i Hoa K tháng 10-1973, B c Vi t yên trí r ng t đó Hoa K s không tr đũa nh trong Chi n D ch Mùa Hè Đ L a t tháng 4-1972 t i Mi n Nam, hay trong cu c T p Kích Chi n L c tháng 12-1972 t i Mi n B c. Đ c bi t sau khi Nixon t ch c vào tháng 8-1974, t cu i năm 1974 quân đ i B c Vi t đã ngang nhiên t p trung đ n c p s đoàn. Do s khinh th này, Vi t Nam C ng Hòa và Hoa K r t có th l y i th quân bình sau nh ng tr n oanh t c quy mô t i Quân Khu I và Tây Nguyên. Tuy nhiên Kissinger đã can gián T ng Th ng Ford r ng chi n đ ch t p kích s g p ph n kháng c a qu n chúng xu ng đ ng, và s gây h u qu b t l i cho cu c b u c t ng th ng năm 1976. Rút cu c đ n xin vi n tr kh n c p 700 tri u c a T ng Weyand đã b x p b . Lúc này Kissinger còn tr ng tr n nguy n r a đ ng minh: “Sao b n h không ch t s m đi cho r i!. T h i nh t là b n h c s ng dai đ ng mãi!”. (The Palace File: Nguyen Tien Hung and Jerrold Schecter trích đ n Ron Nessen: It Sure Looks Different from the Inside).

Đây rõ r t là s v ng tính và b t công c a Hoa K . Tr c đó, ngày 6-10-1973, Hoa K đã tích c c y m tr Do Thái trong Tr n Chi n Yom Kipur. Theo Nixon, Do Thái có liên h m t thi t v i Hoa K đ u ch có 4 tri u dân Do Thái trong s 100 tri u dân t i Trung Đông. Do Thái cũng không có đ u khí mà cũng không có liên h đ ng minh v i Hoa K . Tuy nhiên v m t tinh th n, và đ b o v ch đ dân ch t i qu c gia này, Hoa K v n coi hành đ ng y m tr Do Thái có quan h “s ng còn t i quy n l i qu c gia”. (vital to our national interests). Do đó b t c v T ng Th ng Hoa K nào cũng s n sàng y m tr Do Thái khi n c này b t n công. Trong Tr n Chi n 3 tu n Yom Kipur gi a Do Thái và Ai C p tháng 10-1973, Hoa K đã vi n tr quân s cho Do Thái 2,2 t M kim. Lúc này, Liên Xô đ ngh Hoa K ng ng b n đ i s giám sát c a Liên Hi p Qu c và đe đ a s can thi p n u Do Thái t n công Syria. Kissinger l p t c ph n bác và c nh cáo r ng Hoa K s nh p cu c n u Liên Xô can thi p. Sau khi th t tr n T ng Th ng Ai C p than phi n r ng: “Chúng tôi không th cùng m t lúc ch ng l i c Do Thái l n Hoa K”. Sau Chi n D ch Yom Kipur, báo chí Hoa K tuyên đ ng Kissinger là “ng i hùng có phép l ” (superman/ miracleman).

V m t chi n l c, chính nghĩa, đ o lý và liên minh, Vi t Nam C ng Hòa có quan h m t thi t v i Hoa K t i Đông Nam Á h n là gi a Do Thái v i Hoa K t i Trung Đông. V y mà Chính Ph và Qu c H i Hoa K đã nh n tâm b r i Vi t Nam C ng Hòa sau 10 năm liên minh k t nghĩa,

v i trên 20 tri u con ng i đã đ ng ra b o v T Do cho mi n th gi i này. T 1965, Hoa K đ xô nh n l c, v t l c vào chi n tr ng Mi n Nam, và gia tăng c ng đ chi n tranh v i trên n a tri u binh sĩ chi n đ u bên c nh quân l c Vi t Nam C ng Hòa và đ ng minh. B t c nhà quan sát vô t nào cũng ng c nhiên khi th y ch vì 700 tri u mà Hoa K ti c r khi n cho Vi t Nam, Cao Miên, Ai Lao cũng nh bao nhiêu n c Á Phi và Nam M đã r i vào vòng l thu c c a Qu c T C ng S n. Trong khi đó, v niên khóa 1974, Liên Xô đã tăng g p đôi s vi n tr quân s cho B c Vi t, v i 1 t 700 tri u M kim đ phát đ ng Chi n D ch H Chí Minh năm 1975. Trong khi t sau Hi p Đ nh Paris, s quân vi n cho Vi t Nam C ng Hòa b Hoa K c t gi m còn 1/4.

Th i Hi p Đ nh Paris 1973 s quân vi n cho Mi n Nam là 2,2 t M kim. Qua năm 1974 b c t h n n a (54%), còn 1.01 t. T i năm 1975 i b c t phân n a, ch còn 500 tri u (c ng v i 200 tri u tính vào các s phí chuyên ch và các kho n linh tinh khác).

Trong b n đ i u tr n tháng 9-1974 tr c Qu c H i v d án ngân sách 1975, cũng nh trong b n t ng trình g i B T ng Tham M u Quân L c Vi t Nam C ng Hòa, T ng John Murray, Tùy Viên Qu c Phòng Hoa K t i Saigon (DAO), đã đ a ra m t công th c hay ph ng trình v s liên h gi a s quân vi n và ch quy n lãnh th . Theo công th c này “n u Hoa K c t quân vi n ch ng nào thì Vi t Nam C ng Hòa m t lãnh th ch ng y”. (You can roughly equate cuts in support to loss of real estate: Nixon, sách đã đ n).

Theo công th c và ph ng trình này có 5 m c quân vi n liên h đ n 5 tuy n phòng th lãnh th :

- 1) N u quân vi n còn m c 1.4 t M kim thì Vi t Nam C ng Hòa (VNCH) còn gi đ c nh ng vùng đông dân c trên toàn lãnh th .
 - 2) N u quân vi n ch còn 1.1 t M kim thì VNCH không th gi đ c Vùng I Chi n Thu t.
 - 3) N u quân vi n gi m xu ng còn 900 tri u thì không th gi đ c Vùng I và Vùng II.
 - 4) N u quân vi n ch còn 750 tri u thì ch có th gi đ c m t s ít vùng, và B c Vi t s không ch u th ng thuy t nghiêm ch nh.
 - 5) Mà n u quân vi n ch còn 600 tri u thì VNCH ch có th gi đ c Saigon, ph c n và vùng châu th sông C u Long.
- Nh đã trình bày, Qu c H i đã c t vi n tr cho Vi t Nam t trên 2 t năm 1973 xu ng còn 500 tri u năm 1975.

“Các dân bi u và ngh sĩ ph n chi n đã xóa tên Vi t Nam C ng Hòa trong danh sách các qu c

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của những năm

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

gia đình mình của Hoa Kỳ. Kể từ sau Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973, chúng ta đã thắng trong chiến tranh. Quân lực VNCH đã thành công trong việc chiếm đóng những vị trí phòng ngự bên của Bắc Việt trong suốt 2 năm. Lý do thất bại là vì Quốc Hội Hoa Kỳ đã khước từ không cho cấp quân viện cho Saigon ngang với số quân viện Liên Xô cấp cho Hà Nội. Tất cả các vị tướng lãnh chỉ huy cao cấp Hoa Kỳ tại Việt Nam và Hoa Thịnh Đốn đều xác nhận việc quân lực VNCH đã chiếm giữ vững, nắm giữ các trang bị đầy đủ, họ có thể đẩy lui những số đoàn chiến đấu của Bắc Việt xâm nhập vào Miền Nam...” (Nixon, sách đã dẫn)

Vụ mất ngoi giao, sau cuộc Tập Kích Chiến Lược Mùa Giáng Sinh 1972, Kissinger lập quan báo cáo rằng, sau những cuộc đàm phán với Lê Đức Thọ ngày 8-1-1973, Bắc Việt sẽ chấp nhận nới trong 48 giờ tất cả các điểm chốt trong Đường 9 Địch M của Nixon (trong đó có kho rút quân sông phòng ng).

Đây chỉ là báo cáo xuyên tạc. Vì trong Hiệp Định Paris ký 19 ngày sau (27-1-1973), không có điều khoản nào nói về việc Bắc Việt phải triệt thoái quân đội ra khỏi Miền Nam.

Sau này Kissinger thú thật rằng chỉ có những “cam kết ngụy m”. Trong những cuộc đàm phán, Bắc Việt hứa hẹn sẽ không mang quân vào Miền Nam và chấp thuận ghi khoản này nội Dung 7 Hiệp Định Paris: “Từ ngày ngừng bắn cho đến khi thành lập chính phủ sau ngừng tụy n c, hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ không đưa quân vào Miền Nam Việt Nam quân đội, cả về quân số và nhân viên quân số, cũng như các vũ khí đưa đến và dùng để chiến tranh...” Đây là lời hứa an toàn cho lòng tâm thanh thản của Hoa Kỳ rút khỏi vùng lầy mà họ đã lao vào từ 10 năm trước, nói là để ngăn chặn Thuyết Domino và xây dựng Việt Nam Cộng Hòa thành một tiến bộ của cộng đồng tại Đông Nam Á.

Như Nixon đã nói, Bắc Việt không bao giờ giữ lời cam kết. (Hanoi broke agreements as soon as it signed them: Nixon, sách đã dẫn). Ngay cả trong Tuyên Cáo về nền Trung Lập của Ai Lao tháng 7-1962, 14 quốc gia cam kết tôn trọng chủ quyền và nền trung lập của Ai Lao và hứa sẽ rút hết các lực lượng vũ trang ra khỏi Vùng Ngăn Quét Lào để đem lại hòa bình cho Đông Dương. Tất cả các quốc gia kể từ đó đều giữ lời, ngoại trừ Bắc Việt. (All countries complied, except North Vietnam: Nixon, sách đã dẫn).

Tại Việt Nam, ngay cả Tổng Thống Nixon và người kế nhiệm ông là Tổng Thống Ford cũng không giữ lời cam kết.

Ngày 14-11-1972 Tổng Thống Nixon viết cho Tổng Thống Thiệu: “Điều quan trọng hơn cả bên vẫn Hiệp Định là việc mà chúng ta sẽ phải làm trong trường hợp họ tái xâm lược.

Tôi xin cam k t r ng, n u B c Vi t không tuân theo nh ng đi u kho n c a Hi p Đ nh, tôi c ã ng quy t s tr ã đưa t c thì và m nh li t”.

M i ngày tr ã c khi ký Hi p Đ nh, ngày 17-1-1973, Nixon còn kh ng đ nh: “T Do và Đ c L p c a Vi t Nam C ng Hòa là m t m c tiêu t i h u c a chính sách đ i ngo i Hoa K ...

Tôi xin nh n m nh 3 đi u cam k t sau đây:

1. Hoa K ch th a nh n Chính Ph Vi t Nam C ng Hòa là chính ph h p pháp duy nh t t i Vi t Nam;
2. Hoa K không ch p nh n cho B c Vi t đ c đ n trú quân trên lãnh th Mi n Nam Vi t Nam;
3. Hoa K s tr ã đưa m nh li t khi B c Vi t vi ph m Hi p Đ nh”.

Đó cũng là đi u cam k t c a T ng Th ng Ford. Sau khi Nixon t ch c, ngày 10-8-1974, v i t cách là ng i k quy n, T ng Th ng Ford đã g i văn th cho T ng Th ng Thi u xác đ nh r ng: “Nh ng cam k t mà dân t c Hoa K đã h a h n v i VNCH trong th i gian v a qua v n gi nguyên giá tr . Và tôi s tri t đ tôn tr ng nh ng cam k t này trong su t th i gian nhi m ch c c a tôi.”(Nguy n Ti n H ng và Jerrold L. Schecter s d)

V v n đ rút quân c a B c Vi t, Kissinger còn đ i g t Nixon r ng không c n có nh ng đi u kho n minh th quy đ nh trong Hi p Đ nh. Vì trong nh ng cu c m t đàm B c Vi t đã m c nhiên ch p thu n đ ngh này c a Nixon h i tháng 5-1969. H h a s l ng l rút quân kh i Mi n Nam. (Our tactic was to write a formulation that tacitly required the enemy to withdraw. We will press for the de facto unilateral withdrawal of some North Vietnamese divisions in the northern part of South Vietnam. Nixon, sách đã d n).

Đây là m t lu n đi u ngâ ngô và gi o ho t.

Là m t chi n l c gia và nhà ngo i giao sành s i, Kissinger th a bi t r ng, đ i v i ng i C ng S n, ngay c s cam k t công khai trong nh ng hi p c qu c t cũng ch là đ i trá. Vì k t c không ph i đ gi i i, mà ch nh m th c hi n nh ng m c tiêu chính tr giai đ n theo ph ng châm “c u cánh bi n minh cho ph ng ti n”, b t ch p l i h a và b t ch p danh d qu c gia.

Ngoài ra Kissinger còn gi i thích r ng, v i Đ i u 7 H i p Đ nh Paris, quân đ i B c Vi t đ n trú t i Mi n Nam r i đây s tan rã vì không đ c tăng c ng. Đó là đ i u phi lý. Vì sao quân đ i B c Vi t, đánh gi c theo ki u nhà nghèo, l i tan rã, trong khi quân l c Vi t Nam C ng Hòa, đánh gi c theo l i M , l i không tan rã?

Cũng nên ghi nh n r ng Đ i u 7 ch c m hai bên không đ c đ a quân vào Mi n Nam trong m t th i gian nh t đ nh “t khi th c hi n ng ng b n cho đ n khi có Chính Ph Liên H i p” thành l p sau t ng tuy n c do H i Đ ng Hòa Gi i và Hòa H p Dân T c 3 Thành Ph n t ch c. Đ i u này ph i đ c hi u là sau khi có Chính Ph Liên H i p, không có đ i u kho n nào c m B c Vi t không đ c đem quân vào Mi n Nam. L t t nhiên Hoa K , nh chim ph i tên s l n cây cong, s ch ng bao gi dám nghĩ đ n, hay dám m o hi m mang quân vào Vi t Nam m t l n n a.

Theo các nhà lu t h c và chính tr h c, m i s k t c gi a các qu c gia, cũng nh gi a các cá nhân, ph i có tính công khai và minh th . Do đó không bao gi có nh ng cam k t ng m hay đ c hi u ng m trong các h i p c qu c t . Quy lu t này ch ng t s điều tr c c a Kissinger. Ch ng l ông l i ngâ ngô không bi t đ i u đó? Xá chi “nh ng m t c ng m” và “nh ng cam k t mi ng” trong nh ng cu c m t đàm tay đôi, hay nh ng bu i đi đêm ám mu i gi a Kissinger và Th !. C p bài trùng này đã l a g t đ lu n qu c t đ giành gi t Gi i Hòa Bình Nobel 1974, m t n n hòa bình c a nh ng n m m .

T tháng 10-1974, B c Vi t đem đ i quân t n công và đã chi m Ph c Long tháng 1-1975 tr c s im l ng khó hi u c a Hoa K . Tháng 3, chi m Ban Mê Thu t, tháng 4, chi m Đà N ng, Xuân L c và Saigon. Trong khi đó, Hoa K v n án binh b t đ ng. Và đã tàn nh n cúp h t quân vi n cho Vi t Nam C ng Hòa, k c th nh c u khiêm t n c a T ng Weyand xin vi n tr kh n c p 700 tri u đ ph n kích Chi n D ch H Chí Minh. Vì n u trong đ p này Hoa K tr đũa và Vi t Nam C ng Hòa ph n kích thì phe đ ng mình có c h i tiêu di t t ng s đoàn B c Vi t xâm nh p Mi n Nam b t h p pháp theo ng v ng Phi Quân S phía B c, và t Miên Lào phía Tây trên đ ng mòn H Chí Minh. Lúc này B c Vi t đã đem thêm 25 s đoàn chính quy vào chi n tr ng Mi n Nam đ ti p s c cho h n 100 ngàn quân có m t t i ch .

Nói tóm l i, n u Mùa Giáng Sinh 1972 Hoa K đã chi n th ng v quân s , thì ch m t tháng sau, tháng 1-1973, Hoa K đã th t b i v chính tr . Ch vì mu n ký H i p Đ nh Paris cho b ng đ c đ có lý do rút lui trong danh d và đ u hàng l ch s . Hành vi này đã gieo tai h a vô l ng cho các dân t c Vi t-Miên-Lào b du vào th ch ng đ ng đ ng ph i liên minh v i Hoa K , m t qu c gia đ c ti ng là hào hi p đã đ bao x ng máu đ giành l i T Do cho Âu Châu, Á Châu và Phi Châu đ u th p niên 1940, và cho Đ i Hàn đ u th p niên 1950.

Chúng ta hãy nghe ti ng kêu th ng thi t c a Th T ng Cao Miên Sirik Matak trong văn th g i Đ i S Hoa K John Dean tr c ngày Nam Vang th t th :

“Th a ông Đ i S và cũng là ng i b n c a tôi,
Xin chân thành c m n vẫn th c a Ông đ ngh cho tôi quy ch t n n t i Hoa K và cho tôi
ph ng ti n di chuy n đ n mi n đ t t do. Nh ng than ôi, tôi không th b quê h ng ra đi nh c
nh nh v y!. Riêng đ i v i Ông và qu c gia hùng c ng c a Ông, không m t phút nào tôi có
th tin r ng Hoa K l i có ý nghĩ b r i m t dân t c đã quy t đ nh ch n T Do. Các Ông đã t
ch i không b o v chúng tôi n a, chúng tôi ch ng còn bi t nói gì h n.
Nay Ông ra đi và tôi xin chúc Ông và quê h ng Ông tìm th y h nh phúc đ i b u tr i này.
Nh ng xin Ông ghi nh n r ng, n u tôi có ch t trên quê h ng yêu đ u c a tôi, thì đó cũng ch
là m t b t h nh. Đ u sao m i ng i trong chúng ta, ai đã sinh ra r i cũng có ngày ph i ch t.
Có đ u là tôi đã sai l m khi tin t ng n i Ông và Qu c Gia c a Ông”.
Sisowath Sirik Matak (Nixon: sách đã đ n).

Sirik Matak là m t trong nh ng ng i đ u tiên b Khmer Đ hành quy t.

Trong th p niên 1960, Ai Lao và Cao Miên là nh ng qu c gia trung l p nên không ph i là đ ng
minh c a Hoa K . Trong khi đó, t cu i th p niên 1940, 5 v T ng Th ng Hoa K Truman,
Eisenhower, Kennedy, Johnson và Nixon đã long tr ng cam k t s b o v quy n t quy t c a
nhân dân Vi t Nam và xây d ng Vi t Nam thành m t ti n đ n c a Th Gi i T Do đ ng n ch n
Qu c T C ng S n xâm nh p Đông Nam Á. Nh v y v các m t ngo i giao, chính nghĩa và tình
th n, Vi t Nam có t ng quan liên k t m t thi t v i Hoa K t 3 th p niên.

S Ph n c a Ông Thi u

Năm 1973, đ i i áp l c c a Kissinger và Nixon, ông Thi u đã ph i ký Hi p Đ nh Paris đ ch p
nh n nh ng tai ng gây ra b i b n vẫn Hi p Đ nh, cũng nh b i s trí trá c a phe C ng S n
và s b i c a Hoa K .

Chúng ta hãy nêu gi thuy t:

Trong tr ng h p ông Thi u s n sàng nh n cái ch t nh ông Sirik Matak, li u ông có th làm
đ c nh ng gì?

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của những năm

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Với tư cách nguyên thủ của một Quốc Gia có Hiến Pháp và Quốc Hội, ông Thiệu có thể ra quyết định cho chính phủ của ông không ký hiệp định trong trường hợp Hoa Kỳ cho quân Bắc Việt tiếp tục ở lại trú tại Miền Nam trái với lời cam kết minh bạch của Nixon từ năm 1969. Với một hiến pháp, hiệp ước do Hành Pháp ký chỉ có hiệu lực nếu được Quốc Lập Pháp phê chuẩn. Mà Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa đã họp năm 1970 và tuyên bố rằng Hiến Pháp 1967 vẫn chỉ là trường hợp đặt Cộng Sản ra ngoài vòng pháp luật.

Trong trường hợp Trường hợp Nghị Viên Việt Nam Cộng Hòa công bố lập trường không chấp nhận và không phê chuẩn bất cứ hiệp định nào với Bắc Việt nếu có một trong ba sự việc sau đây:

1. Có sự tham gia của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, một tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng Sản, để diễn biến cái gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Chính phủ này được Bắc Việt khai sinh hồi tháng 6-1969 vì nhu cầu chính trị giai đoạn. Nó bắt đầu tháng 11-1975 cùng với “Nước” Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Cũng trong thời gian này Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam đã bắt đầu và sát nhập vào một tổ chức ngoại vi khác của Đảng Cộng Sản là Mặt Trận Tổ Quốc.

2. Trong Hiệp Định không có điều khoản ghi việc quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam Việt Nam đang thời kỳ quân lực Hoa Kỳ và đang minh.

3. Hoa Kỳ sẽ vĩnh viễn giải quyết tại Việt Nam và không còn chịu trách nhiệm thi hành Hiệp Định.

Nếu có một trong ba trường hợp này Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa sẽ khước từ không ký Hiệp Định. Lý do là vì không có sự chấp nhận và phê chuẩn của Quốc Hội, đặc biệt là Trường hợp Nghị Viên.

Phản ứng của Hoa Kỳ

Trong trường hợp này phản ứng của Hoa Kỳ sẽ ra sao?

Theo giớiiam hiểu, hiểuu phầnnghĩi Mĩ sẽ không hớ sát ông Thiệu năm 1973 như hã đã hớ sát ông Diệm năm 1963. Trong mắtt hầp niên, Hoa Kĩ không dám sát hầi hai vầ nguyên thầ củamắtt quầc giẩng minh đã đẩng tâm hiểp lầc vầi Hoa Kĩ đẩng ra làm tiểnn đẩnn chầng Cầng đầbồo vầ Tầ Do cho các quầc giẩ Đông Nam Á đầi sầ lãnh đầo của Hoa Kĩ quakhầi Liên Minh Phòng Thầ Đông Nam Á.

Vầ mắtt kầ thuầt pháp lý, nầu không có sầ tham đầ của Viểt Nam Cầng Hòa thì Hầi Nghầ Paris sầ không có đầi tầng. Vì Viểt Nam Cầng Hòa là quầc giẩ chầ thầ, lãnh thầ Miển Nam Viểt Nam là bầi chiểnn trầng, và có 8 quầc giẩ đã tham giẩ Chiểnn Tranh Viểt Nam trong 8 năm, thầi gian dài nhầt trong lầch sầ chiểnn tranh Hoa Kĩ.

Trong trầng hầp Hoa Kĩ và Bầc Viểt vầnnhầt đầnh ký Hiểp Đầnh Chầm Đầt Chiểnn Tranh tầi Viểt Nam, thì trong 8 Chầng của Hiểp Đầnh, chầ có 3 Chầng có thầ đầc giầ lầi là Chầng II (vầ Ngầng Bầnn và Rút Quân), Chầng III (vầ Phổng Thích Từ Bình), và Chầng VIII (vầ Trao Trầ Từ Bình đầi danh nghĩa bầi thầng chiểnn tranh và tái thiểtt hầu chiểnn).

5 Chầng khác sầ không có đầi tầng. Nhầ Chầng I (vầ tầng quan giầa hai miểnnam Bầc), Chầng IV (vầ giầi pháp chính trầ cho Miểnnam Viểt Nam), Chầng V (vầ vầnn đầ thầng nhầt hai miểnnam Bầc), Chầng VI (vầ các củquan kiểmsóat và giám sát quầc tầ), và Chầng VII (vầ chính sách đầi ngoầi của Miểnnam Viểt Nam vầi Miển Lào).

Chầ vầi 3 Chầng nói trên, mắtt hiểp đầnh chầm đầt chiểnn tranh giầa Hoa Kĩ và Bầc Viểt sầ không thầ đầ củp đầnnhầng vầnn đầ quân sầ và chính trầ tầi Miểnnam Viểt Nam. Nhầ vầy Hầi Nghầ Paris sầ tan vầ. Và sầ không có mắtt Hiểp Đầnh Chầm Đầt Chiểnn Tranh và Tái Lầp Hòa Bình tầi Viểt Nam đầc ký tầi Paris năm 1973.

Tầng kầt lầi, trong trầng hầp Viểt Nam Cầng Hòa không ký Hiểp Đầnh Paris 1973 thì viểc gì sầ xảy ra, và Hoa Kĩ sầ phầnnầng ra sao?

1. Rầt có thầ, do áp lầc quầc nầi, cũng nhầ vì quyần lầi riêng tầ, Hoa Kĩ sầ ký hiểp củc tay đầi vầngầng bầnn, rút quân và trao đầi tù binh vầi Bầc Viểt. Và đầ trầ đầa Hoa Kĩ sầ củtt hầt viểnn trầ quân sầ cho Viểt Nam Cầng Hòa, đầ tầo củ hầi cho Cầng Sầnn thôn tểnh Miểnnam bầng vồ lầc. Trầc đầ luầnn quầc tầ và quầc nầi, cũng nhầ vầ mắtt ngoầi giẩo, chính nghĩa và lầng tâm, liầu Hoa Kĩ có dám nhầnn tâm làm đầu đó không?

Câu tr l i h p lý là “không”.

Vì hành đ ng nh v y là ph n b i đ ng minh và đ u hàng nh c nhã. Ch ng khác nào n u đ u th p niên 1940, Roosevelt ký v i Đ c Qu c Xã hi p c b t t ng xâm đ trao Tây Âu cho Hitler; hay cu i th p niên 1940, Truman ng ng chi n đ ch ti p v n hàng không cho Tây Bá Linh đ trao th tr n này cho Honecker; hay đ u th p niên 1950, Eisenhower ký hi p c v i B c Hàn đ rút quân và trao Nam Hàn cho Kim Nh t Thành.

Nh ng v ph n b i và đ u hàng nh c nhã này n u có, ch ng nh ng tác h i đ n Anh Qu c, Tây Đ c và Đ i Hàn, mà còn gây th m h a cho toàn c i Âu Châu, t Tây Âu sang Đông Âu, cũng nh cho toàn c i Á Châu, t Đông B c Á qua Đông Nam Á. Do h u qu dây chuy n c a Thuy t Domino.

2. Đ u sao, nhi u ph n là, mu n rút quân và gi th di n, Hoa K v n c n ph i có s tham đ c a Vi t Nam C ng Hòa trong H i Ngh . Mu n th Hoa K s tìm cách l t đ ông Thi u theo k ho ch “thay đ i nhân s ” t ng đ c áp đ ng t i Vi t Nam năm 1963. Trong tr ng h p này, cũng nh 10 năm tr c, r t có th ông D ng Văn Minh s l i đ c chi u c . Và ông này s tuân l nh Hoa K (và B c Vi t) đ thành l p m t Chính Ph Liên Hi p 3 Thành Ph n do C ng S n kh ng ch . K t qu là phe C ng Hòa ch còn 1/3 ch quy n, 1/3 chính quy n, 1/3 lãnh th và 1/3 l c l ng t i Mi n Nam. Nghĩa là trong toàn c i Vi t Nam, phe C ng S n chi m tuy t đ i đa s 5/6. Trong đ i u ki n đó B c Vi t s d dàng thôn tính Mi n Nam b ng ph ng pháp hòa bình, không ph i dùng đ n b o đ ng vũ trang.

Trong tr ng h p này, đ i v i Hoa K , hành đ ng bán tr ng Mi n Nam cũng là ph n b i đ ng minh và đ u hàng nh c nhã. Vì c này s nh h ng nghiêm tr ng đ n uy tín c a Hoa K và t ng lai c a đ ng c m quy n, đ c bi t trong cu c tuy n c t ng ph n năm 1974 và cu c t ng tuy n c b u t ng th ng năm 1976.

Và, m t l n n a, v n đ đ t ra là, v m t ngo i giao, liên minh, chính nghĩa và đ o lý, li u Hoa K có dám nh n tâm làm đ i u đó không?

Câu tr l i h p lý cũng v n là “không”.

Rút kinh nghi m v “thay đ i nhân s ” năm 1963 t i Vi t Nam, Hoa K s r t ng n ng i khi ph i can thi p l i li u vào n i b c a m t qu c gia đ ng minh trong Th Gi i Dân Ch .

Tr c kia, trong cu c ti p ki n Chu Ân Lai t i B c Kinh ngày 9-7-1971, chính Kissinger cũng ph i minh đ nh: “L p tr ng c a Hoa K là không nh t thi t duy trì m t chính ph đ c bi t nào t i Mi n Nam Vi t Nam (nh Chính Ph Vi t Nam Công Hòa). Tuy nhiên, Hoa K không th tham d vào vi c l t đ nh ng ng i tr c đây đã là đ ng minh c a Hoa K , b t k ngu n g c đ ng minh đó là gì” : (Jeffrey Kimball, sách đã đ n).

Trong th ngày 31-8-1972 chính Nixon cũng xác nh n đi u này v i ông Thi u : “Tôi xin m t l n n a đoan ch c v i Ngài v l p tr ng căn b n c a Hoa K : Nhân dân Hoa K ý th c r ng chúng tôi không th mang l i hòa bình và danh d cho qu c gia, n u ph i b r i m t đ ng minh dng c m (nh VNCH). Đi u này tôi không th làm và s không bao gi làm.”

Tuy nhiên 5 tu n sau, ngày 6-10-1972, Nixon l i nh c khéo v v “thay đ i nhân s năm 1963” khi đ c p đ n v T ng Th ng Johnson mu n l t đ ông Thi u năm 1968 (h i đó Chính Ph Saigon không ch u tham d H i Ngh Paris). Nixon vi t: “Xin Ngài hãy dùng m i ph ng cách đ tránh tái đi n bi n c 1963 mà chính tôi đã ghê t m và đã lên án t năm 1968”.

D u sao chính Kissinger cũng không dám ch tr ng sát h i ông Thi u. Ngay t 1968 ông ta đã c nh gi ác: “N u ông Thi u ch u s ph n c a ông Di m, thì t t c các dân t c trên th gi i s ý th c r ng: Làm k thù c a M có th g p nguy hi m, nh ng làm b n v i Hoa K nhi u ph n s m t m ng.” (Nguy n Ti n H ng và Jerrold L. Schecter, sách đã đ n)

Kinh nghi m Sirik Matack đã ch ng minh đi u đó.

Và vi c này đi trái Chính Nghĩa, Đ o Lý, L ng Tâm, Quy n L i Qu c Gia và Truy n Th ng Dân Ch c a Hoa K t khi l p qu c.

Có đi u là, trong l ch s nhân lo i c kim, ch a t ng th y m t đ qu c nào dám ra tay h sát hai v nguyên th c a m t qu c gia đ ng minh trong vòng m t th p k .

Và cũng ch a t ng th y m t viên t ng lãnh nào, trong vòng 10 năm, l i có c h i và ác tâm sát h i hai v t ng th ng kiêm t ng t l nh quân đ i mà ông ta có nghĩa v ph i ph c v và b o v .

D u sao s nh n tâm và ph n tr c c a ông t ng này, n u có, cũng ch là h u qu c a s

nhân tâm và phần trọng của ông Cố Vấn Kissinger. Ngay từ tháng 7-1971, 18 tháng trước khi ký Hiệp Định Paris, ông Cố Vấn đã tiết lộ cho phe Cộng Sản biết chủ trương của Hoa Kỳ là sẽ rút quân toàn diện và vĩnh viễn ra khỏi Việt Nam mà không đòi điều kiện nào nếu được trao trả tù binh. Đó là hành vi nới giáo cho giặc, bắt đèn xanh cho Cộng Sản xâm chiếm Miền Nam bằng bạo lực. Và, sau khi ký kết Hiệp Định Paris tháng 1-1973, Kissinger cũng tính (và mong mỏi) rằng Việt Nam Cộng Hòa sẽ cáo chung sau 18 tháng.

10 năm sau khi Saigon thất thủ, bằng phần tin và tin phán, năm 1985, Nixon đã lên án việc Hoa Kỳ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa năm 1975 là một “sự phản bội và thất bại không thể khoan nhượng trong Lịch Sử Hoa Kỳ”.

Thật vậy, khi Hoa Kỳ nhân tâm rũ áo ra đi để mặc cho phe Quốc Tế Cộng Sản thôn tính Miền Nam bằng vũ lực, thì bao nhiêu công lao, danh dự và uy tín quốc gia, xây dựng từ Thủ Chiên I đến Thủ Chiên II và Chiên Tranh Triều Tiên, sẽ phút chốc tiêu tan, đem lại sự bất bình và chèn ép của nhân loại văn minh. Hơn nữa, thực tế là sự bành trướng thế lực vượt bậc của phe Quốc Tế Cộng Sản tại Á Châu, Phi Châu và Châu Mỹ La Tinh.

Thêm vào đó các đảng minh cũ của Hoa Kỳ cũng sẽ rút ngắn ngày khi phải liên minh với Hoa Thủ Nhân Địch. Và Khi các Quốc Gia Phi Liên Kết sẽ phát triển mạnh mẽ khắp nơi trên thế giới.

Ngoài ra, sự hoài nghi của các dân tộc trên thế giới về Quyết Tâm và Lý Tưởng Tự Do của Hoa Kỳ sẽ có tác động xấu trong cuộc đấu tranh giải phóng của Cộng Sản tại Đông Âu và Liên Xô.

Do đó, cho đến nay không ai dám quyết đoán về việc Hoa Kỳ có theo chủ nghĩa thực dụng đến nhân tâm làm việc đó không?

Có điều là, nếu quân dân mất lòng, và nếu vì nguyên nhân quốc gia có tinh thần vô úy, “coi trọng thân nhân hơn mạng sống”, không chú ý lùi bước trước cái chết, thì uy tín của Việt Nam Cộng Hòa sẽ được bảo toàn, danh dự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ được gìn giữ. Và vì nguyên nhân quốc gia sẽ có cơ hội đi vào lịch sử như Nguyễn Thái Học và Hoàng Diêu trong hai thế kỷ qua.

Mà, nếu biết vận dụng thời thế, biết đâu Việt Nam Cộng Hòa lại chẳng có cơ may bảo vệ chủ quyền lãnh thổ từng phần hay toàn vẹn?

